

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022
sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản

(Tiếp theo Công báo số 209 + 210)

Phụ lục X
CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ
ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU CÁ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Chương trình tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá

TT	Môn học	Nội dung chính
I	Đăng kiểm tàu cá hạng III	
1	Nghiệp vụ đăng kiểm tàu cá	- Luật Thủy sản, các văn bản hướng dẫn thi hành; - Đăng kiểm và đăng ký tàu cá.
2	Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng trong kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu cá	- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về tàu cá; - Các quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.
3	Kiểm tra, đánh giá trạng thái kỹ thuật hàng năm tàu cá	- Vỏ tàu; - Máy tàu và hệ động lực; - Các trang thiết bị lắp đặt trên tàu; - Lập biên bản kiểm tra.
4	Các môn chuyên ngành kỹ thuật tàu thủy	- Lý thuyết tàu thủy; - Kết cấu thân tàu thủy; - Lý thuyết động cơ; - Sửa chữa động cơ; - Trang bị động lực tàu thủy.

TT	Môn học	Nội dung chính
5	Hệ thống quản lý chất lượng	Giới thiệu hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO.
II	Đăng kiểm tàu cá hạng II	
1	Nghiệp vụ đăng kiểm tàu cá	Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác đăng ký, đăng kiểm tàu cá.
2	Thẩm định thiết kế đóng mới, cải hoán, phục hồi, hoàn công tàu cá, tàu kiểm ngư theo chuyên môn đào tạo	- Thân tàu và các trang thiết bị
		- Các tính năng của tàu
		- Máy tàu và hệ động lực;
		- Hệ thống điện, lạnh lắp đặt trên tàu.
3	Kiểm tra an toàn kỹ thuật trong đóng mới, cải hoán, sửa chữa tàu cá, tàu công vụ thủy sản	- Phòng và phát hiện chữa cháy;
		- Trang thiết bị nghề cá;
		- Các trang thiết bị khác lắp đặt trên tàu.
		- Kiểm tra tàu vỏ gỗ
		- Kiểm tra tàu vỏ thép
		- Kiểm tra tàu vỏ chất dẻo cốt sợi thủy tinh (FRP)
		- Kiểm tra hệ động lực và chế tạo hệ động lực lắp đặt lên tàu.
		- Kiểm tra các trang thiết bị lắp đặt trên tàu.
4	Thử tàu	- Kiểm tra vật liệu và đánh giá kết quả thử nghiệm phá hủy và không phá hủy
		- Chuyên đề kiểm tra chân vịt.
5	Hệ thống quản lý chất lượng	- Chuyên đề kiểm tra điện và hệ lạnh tàu cá.
		- Kiểm tra thử nghiêng ngang.
5	Hệ thống quản lý chất lượng	- Kiểm tra thử kín nước, thử tại bến và thử đường dài
		- Giới thiệu hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO.
III	Đăng kiểm tàu cá hạng I	
1	Nghiệp vụ đăng kiểm tàu cá	Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác đăng ký, đăng kiểm tàu cá.

TT	Môn học	Nội dung chính
2	Công ước quốc tế về an toàn kỹ thuật tàu cá	Giới thiệu công ước quốc tế về tàu cá, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về tàu cá của các nước trên thế giới và trong khu vực.
3	Thẩm định thiết kế đóng mới, cải hoán, phục hồi, hoàn công tàu cá, tàu công vụ thủy sản nâng cao.	- Thân tàu và các trang thiết bị; - Các tính năng của tàu; - Máy tàu và hệ động lực; - Trang thiết bị nghề cá; - Hệ thống điện; - Phòng và phát hiện chữa cháy; - Các trang thiết bị khác lắp đặt trên tàu.
4	Kiểm tra an toàn kỹ thuật trong đóng mới, cải hoán, sửa chữa tàu cá, tàu công vụ thủy sản nâng cao.	- Vỏ gỗ; - Vỏ thép; - Vỏ chất dẻo cốt sợi thủy tinh (FRP); - Hệ động lực và chế tạo các trang thiết bị lắp đặt lên tàu; - Các trang thiết bị lắp đặt trên tàu; - Kiểm tra nghiệp vụ một số tàu phục vụ nghề cá chuyên ngành đặc biệt (tàu công vụ thủy sản, tàu dịch vụ hậu cần có bảo quản hiện đại).
5	Hệ thống quản lý chất lượng	Giới thiệu hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO.

Ghi chú:

- Thời gian tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng III cả lý thuyết và thực hành theo chuyên môn phải đủ 180 tiết.

- Thời gian tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng II cả lý thuyết và thực hành theo chuyên môn phải đủ 180 tiết.

- Thời gian tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng I cả lý thuyết và thực hành phải đủ 180 tiết.

2. Tiêu chuẩn giảng viên bồi dưỡng nghiệp vụ Đăng kiểm viên tàu cá

TT	Giảng viên bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng III	Giảng viên bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng II	Giảng viên bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng I
1	Là đăng kiểm viên hạng II trở lên	Là đăng kiểm viên hạng II trở lên	Là đăng kiểm viên hạng I trở lên
2	Có trình độ đại học các chuyên ngành tương ứng với nội dung bồi dưỡng.	Có trình độ đại học các chuyên ngành tương ứng với nội dung bồi dưỡng.	Có trình độ đại học các chuyên ngành tương ứng với nội dung bồi dưỡng.
3	Có kinh nghiệm làm việc thực tế tại các cơ sở đóng sửa tàu cá hoặc công tác đăng kiểm tàu cá hoặc công tác quản lý tàu cá từ 5 năm trở lên.	Có kinh nghiệm làm việc thực tế tại các cơ sở đóng sửa tàu cá hoặc công tác đăng kiểm tàu cá hoặc công tác quản lý tàu cá từ 8 năm trở lên.	Có kinh nghiệm làm việc thực tế tại các cơ sở đóng sửa tàu cá hoặc công tác đăng kiểm tàu cá hoặc công tác quản lý tàu cá từ 10 năm trở lên.

Ghi chú: Ngoài giảng viên đáp ứng các tiêu chuẩn trên, đơn vị bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá được thuê các chuyên gia trong và ngoài ngành, có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên liên quan đến lĩnh vực bồi dưỡng và có kinh nghiệm công tác từ 05 năm trở lên tham gia giảng dạy các chuyên đề./.

Phụ lục XI**BIỂU MẪU VỀ ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU CÁ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Mẫu số 01.ĐKV. Đơn đề nghị tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá

Mẫu số 02.ĐKV. Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá

Mẫu số 03.ĐKV. Đơn đề nghị cấp/cấp lại thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên

Mẫu số 04.ĐKV. Quyết định cấp thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá

Mẫu số 05.ĐKV. Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ
đăng kiểm viên tàu cá

Mẫu số 01.ĐKV

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAM GIA BỒI DƯỠNG
NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU CÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
THAM GIA BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ
ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU CÁ**

Kính gửi:.....

Họ và tên:.....; Nam/Nữ:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Căn cước công dân số:.....

Nơi, ngày cấp:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....; Email:.....

Trình độ chuyên môn:.....

Cơ quan công tác hiện nay:.....

Tóm tắt quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (kể cả thời gian được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ,.....)
...	
...	
....	

Đăng ký tham gia khóa bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng:.....

Hồ sơ gửi kèm, gồm:.....

Tôi xin cam kết:

1. Thực hiện theo chương trình, kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá.
2. Nghiêm chỉnh chấp hành nội quy theo quy định.

Nếu vi phạm những điều cam kết trên, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước đơn vị bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá và pháp luật./.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU CÁ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU CÁ**

TỔNG CỤC THỦY SẢN
CHỨNG NHẬN

Ông/bà:....., Sinh ngày:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Số CCCD/CMND:.....

Trình độ chuyên môn:.....

Đã hoàn thành khóa bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng.....

Từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

Tại:.....

Xếp loại:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng
(Ký tên và đóng dấu)

Số:...../20.../GCN-...

Mẫu số 03.ĐKV

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ, DẤU KỸ THUẬT
ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU CÁ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI THẺ, DẤU KỸ THUẬT
ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU CÁ**

Kính gửi:.....

Họ và tên:.....; Nam/Nữ:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Địa chỉ:.....

Số CCCD/CMND:.....

Nơi, ngày cấp:.....

Số điện thoại:.....; Email:.....

Trình độ chuyên môn:.....

Đã tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng:.....

Giấy chứng nhận số:.....; ngày cấp:.....

Số hiệu đăng kiểm viên^(*):.....; ngày cấp:.....

Hồ sơ gửi kèm, gồm:

.....

*Tôi xin cam kết những lời khai trên là đúng sự thật, đề nghị Tổng cục Thủy sản cấp
thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá hạng...*

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ*(Ký tên và ghi rõ họ tên)*

*Ghi chú: *Trường hợp cấp lại thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá.*

**MẪU QUYẾT ĐỊNH CẤP THẺ, DẤU KỸ THUẬT
ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU CÁ**

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỔNG CỤC THỦY SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-TCTS-.....

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỦY SẢN

Căn cứ Quyết định số...của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thủy sản;

Căn cứ Thông tư số.../...../TT-BNNPTNT ngày tháng.... năm.... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về.....(ghi rõ tên thông tư);

Theo đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá hạng III cho... đăng kiểm viên...; Cấp thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá hạng II cho...đăng kiểm viên...; Cấp thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá hạng I cho...đăng kiểm viên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Tổng cục Thủy sản,....., Thủ trưởng cơ sở đăng kiểm tàu cá có liên quan và ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

...

- Lưu: VT,.....

TỔNG CỤC TRƯỞNG

1. Mẫu thẻ đăng kiểm viên tàu cá**Mặt trước**

NÔNG NGHIỆP		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	
TRIỆU NÔNG THÔN		Độc lập – Tự do – Hạnh phúc	
TỔNG CỤC QUẢN LÝ SÀN			
		THẺ ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU CÁ	
Ảnh 3x4	Họ và tên		
	Năm sinh		
	Chuyên môn		
	Hạng đăng kiểm viên		
	Số hiệu đăng kiểm viên:		

Mặt sau

Được phép thực hiện việc kiểm tra, đánh giá trạng thái kỹ thuật tàu cá ☐ Hàng năm; ☐ Định kỳ; ☐ Trên đà; ☐ Làn đầu; ☐ Bất thường; ☐ Giám định kỹ thuật, điều tra tai nạn. <i>Hà Nội, ngày tháng năm 20...</i> TỔNG CỤC TRƯỞNG Có giá trị đến:.....
--

2. Mẫu dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá

Quy cách:

Dấu hình ôvan, có 03 vòng: vòng 1 có đường kính lớn 40 mm, đường kính nhỏ 26 mm, bề dày 0,2 mm; vòng 2 cách vòng 1 (về phía trong) bằng 0,5 mm, có bề dày 0,1 mm; vòng 3 cách vòng 2 (về phía trong) bằng 4 mm, có bề dày 0,1 mm.

Ở giữa là hình neo hải quân.

Giữa vòng 2 và 3 có dòng chữ “ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU CÁ”, bằng tiếng Việt ở trên, phông chữ Times New Roman cỡ 9 và dòng chữ “VIỆT NAM FISHING VESSEL REGISTER” bằng tiếng Anh, phông chữ Times New Roman cỡ 12 ở dưới;

Số hiệu đăng kiểm viên, gồm 6 chữ số: hai số đầu là số thứ tự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đăng kiểm viên thường trú theo Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT, số tiếp theo là hạng đăng kiểm viên, ba số còn lại là số thứ tự của thẻ được cấp cho đăng kiểm viên của đơn vị.

Mẫu số 05.ĐKV

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU CÁ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ
ĐĂNG KIỂM VIÊN TÀU CÁ**

Kính gửi:.....

Họ và tên:.....; Nam/Nữ:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Địa chỉ :.....

Số CCCD/CMND:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Đã tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng.....
từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

Tại:.....

Đã được cấp Giấy chứng nhận số:.....; Ngày cấp:.....

Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá hạng....
với lý do:.....
.....Tôi xin cam kết những lời khai trên là đúng sự thật, đề nghị Tổng cục Thủy sản cấp
lại Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, họ tên)

Phụ lục XII**DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU****CÔNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Mẫu số 01.CN: Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá.

Mẫu số 02.CN: Biên bản kiểm tra cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá.

Mẫu số 03.CN: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá.

Mẫu số 04.CN: Dấu kỹ thuật, ấn chỉ nghiệp vụ đăng kiểm tàu cá và nguyên tắc sử dụng.

Mẫu số 05.CN: Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá.

Mẫu số 01.CN

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Kính gửi:.....

Tên cơ sở đề nghị:.....

Địa chỉ:.....

Giấy đăng ký kinh doanh/giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số:

..... Tên cơ quan cấp:..... Ngày cấp:.....

Điện thoại..... Fax..... Email.....

1. Danh sách đăng kiểm viên:

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chuyên môn, chuyên ngành đào tạo	Hạng thẻ đăng kiểm viên	Thời hạn thẻ	Ghi chú
1						
2						

2. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật:

TT	Tên thiết bị, dụng cụ	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1					
2					
....					

Đề nghị quý cơ quan tiến hành kiểm tra và công nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá loại.....

CHỦ CƠ SỞ
(Ký tên và đóng dấu)

**MẪU BIÊN BẢN
KIỂM TRA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ**

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN KIỂM TRA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BIÊN BẢN
Kiểm tra cơ sở đăng kiểm tàu cá**

I. THÔNG TIN CHUNG

- 1. Tên cơ sở được kiểm tra:**
- Địa chỉ:
- Điện thoại:..... Fax:..... Email:
- Văn bản thành lập số.....; ngày.....; Cơ quan ban hành:.....
- Người đại diện của cơ sở:..... Chức vụ:.....
- Số CCCD/CMND.....; ngày cấp..... nơi cấp:.....
- Đề nghị kiểm tra, công nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá loại... theo Đơn đề nghị (*) số.....ngày.....tháng.....năm.....

2. Thành phần Đoàn kiểm tra:

..... Chức vụ:.....

..... Chức vụ:.....

..... Chức vụ:.....

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:

TT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Diễn giải kết quả kiểm tra, hành động và thời gian khắc phục lỗi
		Đạt	Không đạt	
I	KIỂM TRA LẦN ĐẦU/KIỂM TRA DUY TRÌ			
1	Văn bản thành lập:.....			
2	Trang thiết bị và đường truyền dữ liệu để nhập và lưu trữ dữ liệu			
3	Dụng cụ, trang thiết bị phục vụ kiểm tra kỹ thuật (có danh sách kèm theo)			
4	Thực hiện niêm yết công khai quy trình thẩm định hồ sơ thiết kế tàu cá, quy trình cấp giấy			

TT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Diễn giải kết quả kiểm tra, hành động và thời gian khắc phục lỗi
		Đạt	Không đạt	
	chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá; biểu giá, phí liên quan đến công tác đăng kiểm tàu cá.			
5	Đội ngũ Đăng kiểm viên:			
5a	Số ĐKV hạng I (theo chuyên môn):.....			
5b	Số ĐKV hạng II (theo chuyên môn):.....			
5c	Số ĐKV hạng III (theo chuyên môn):.....			
6	Thiết lập và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương hoặc quy trình thẩm định hồ sơ thiết kế tàu cá, quy trình cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá			

II. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

.....

.....

.....

III. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

.....

.....

.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: (*) áp dụng đối với trường hợp đề nghị kiểm tra lần đầu.

HƯỚNG DẪN GHI BIÊN BẢN KIỂM TRA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

A. NGUYÊN TẮC KIỂM TRA

1. Không bổ sung hoặc bỏ bớt các chỉ tiêu đã được quy định.
2. Ghi đầy đủ thông tin theo quy định trong biểu mẫu.
3. Nếu sửa chữa trên nội dung đã ghi trong Biên bản, phải có ký xác nhận của Trưởng đoàn kiểm tra.
4. Đánh dấu vào các vị trí mức đánh giá đã được xác định đối với mỗi chỉ tiêu.
5. Diễn giải cụ thể đối với chỉ tiêu đạt và không đạt; mỗi chỉ tiêu không đạt phải xác định thời hạn để cơ sở khắc phục.

B. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ TỪNG CHỈ TIÊU

1. Văn bản thành lập:
 - a) Yêu cầu: Có văn bản thành lập trong đó có hoạt động/chức năng, nhiệm vụ thực hiện đăng kiểm tàu cá.
 - b) Phương pháp: Kiểm tra hồ sơ của cơ sở.
2. Trang thiết bị và đường truyền dữ liệu để nhập và lưu trữ dữ liệu
 - a) Yêu cầu: Có thiết bị (máy tính, thiết bị tương tự máy tính và có thiết bị lưu trữ dữ liệu) để nhập, lưu trữ dữ liệu; có mạng internet để kết nối, truyền dữ liệu. Khi kiểm tra sẽ kiểm tra, xem xét việc cơ sở có nhập, lưu trữ, truyền dữ liệu.
 - b) Phương pháp: Kiểm tra thực tế các thiết bị và xem dữ liệu, hồ sơ của cơ sở.
3. Dụng cụ, trang thiết bị phục vụ kiểm tra kỹ thuật
 - a) Yêu cầu: Có đầy đủ tại cơ sở các dụng cụ, trang thiết bị phục vụ kiểm tra kỹ thuật theo quy định. Các dụng cụ, trang thiết bị phục vụ kiểm tra kỹ thuật phải bảo đảm còn sử dụng được theo tính năng kỹ thuật.
 - b) Phương pháp: Kiểm tra thực tế các dụng cụ, trang thiết bị tại cơ sở.
4. Đội ngũ Đăng kiểm viên:
 - a) Yêu cầu: Có đủ số lượng theo các hạng đăng kiểm viên, chuyên môn, có thể đăng kiểm viên; có tên trong bảng lương của cơ sở hoặc hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng theo quy định.
 - b) Phương pháp: Kiểm tra hồ sơ, dữ liệu tại cơ sở.

5. Thiết lập và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương hoặc quy trình thẩm định hồ sơ thiết kế tàu cá, quy trình cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá.

a) Yêu cầu: Phải bao gồm các nội dung cơ bản sau: Quyết định ban hành, trình tự thực hiện, nội dung, thời gian kiểm soát, người thực hiện, lưu trữ, biểu mẫu kèm theo, phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu cá theo quy định, tuân thủ theo quy trình thực hiện thủ tục hành chính đã được quy định tại văn bản hướng dẫn Luật Thủy sản. Hồ sơ, tài liệu phải được người có thẩm quyền của cơ sở ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu, bảo đảm tính pháp lý.

b) Phương pháp: Kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế tại cơ sở./.

**MẪU QUYẾT ĐỊNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ**

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỔNG CỤC THỦY SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

Số: /QĐ-TCTS-.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỦY SẢN

Căn cứ Quyết định số... của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thủy sản;

Căn cứ Luật Thủy sản và Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.....

Căn cứ Thông tư số.../...../TT-BNNPTNT ngày..... tháng..... năm..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản;

Căn cứ Biên bản kiểm tra của Tổng cục Thủy sản ngày..... tháng..... năm.....;

Theo đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá hạng..... đối với:..... (ghi tên cơ sở) tại địa chỉ:..... do..... làm chủ cơ sở.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Tổng cục Thủy sản,, (ghi tên cơ sở đăng kiểm tàu cá) và cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-
- Lưu: VT,.....

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Mẫu số 03.CN

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỦY SẢN

CHỨNG NHẬN:

Tên cơ sở:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Email:.....

Người đại diện (ông/bà):.....

Chức vụ:.....

Số CCCD/CMND:.....

Là Cơ sở đăng kiểm tàu cá loại.....

Giấy chứng nhận có hiệu lực từ ngày.....

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm...

TỔNG CỤC TRƯỞNG

(Ký tên & đóng dấu)

Số:..... /20... /GCN-TCTS ban hành kèm theo Quyết định số.....

(Đã cấp lần..... ngày:.....)

MẪU DẤU, ÁN CHỈ NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ VÀ NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG

I. MẪU DẤU NGHIỆP VỤ

1. Mẫu dấu 1a:

Mẫu dấu kỹ thuật của cơ sở đăng kiểm tàu cá



Quy cách: Dấu hình tròn, có 03 vòng tròn đồng tâm: vòng tròn 1 có đường kính 35 mm, bề dày 0,2 mm; vòng tròn 2 cách vòng tròn 1 (về phía trong) bằng 0,5 mm, có bề dày 0,1 mm; vòng tròn 3 cách vòng tròn 2 (về phía trong) bằng 4 mm, có bề dày 0,1 mm; ở giữa là hình neo hải quân; giữa vòng tròn 2 và 3 có dòng chữ “ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ” ở phía trên và tên cơ sở đăng kiểm ở phía dưới bằng tiếng Việt, phông chữ Times New Roman cỡ 10.

2. Mẫu dấu 1b: Dấu đóng trên hồ sơ thiết kế kỹ thuật được thẩm định

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ THIẾT KẾ KỸ THUẬT ĐƯỢC THẨM ĐỊNH
SỐ : NGÀY THẨM ĐỊNH:

Quy cách: Dấu hình chữ nhật, có 02 hình chữ nhật: hình chữ nhật 1 có kích thước 30mm x 55mm, bề dày 0,2 mm; hình chữ nhật 2 cách hình chữ nhật 1 (về phía bên trong) bằng 0,5 mm, bề dày 0,1 mm. Bên trong hình chữ nhật, phía trên có 2 hàng chữ (hàng chữ 1 “ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ” phông chữ Times New Roman cỡ 12, hàng chữ thứ 2 “THIẾT KẾ KỸ THUẬT ĐƯỢC THẨM ĐỊNH”, phông chữ Times New Roman cỡ 9). Phía dưới có 2 hàng chữ (hàng chữ 1 “SỐ” hàng chữ thứ 2 “NGÀY THẨM ĐỊNH”) phông chữ Times New Roman cỡ 8).

3. Mẫu dấu 1c: Dấu đóng trên hồ sơ kỹ thuật (đối với trường hợp đóng mới không có giám sát của Đăng kiểm tàu cá hoặc tổ chức đăng kiểm khác được đăng kiểm tàu cá ủy quyền).

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ HỒ SƠ KỸ THUẬT ĐƯỢC THẨM ĐỊNH
SỐ:.....
NGÀY THẨM ĐỊNH:.....

Quy cách: Dấu hình chữ nhật, có 02 hình chữ nhật: hình chữ nhật 1 có kích thước 30mm x 55mm, bề dày 0,2 mm; hình chữ nhật 2 cách hình chữ nhật 1 (về phía bên trong) bằng 0,5 mm, bề dày 0,1 mm. Bên trong hình chữ nhật, phía trên có 2 hàng chữ (hàng chữ 1 “ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ” phong chữ Times New Roman cỡ 12, hàng chữ thứ 2 “HỒ SƠ KỸ THUẬT ĐƯỢC THẨM ĐỊNH”, phong chữ Times New Roman cỡ 9). Phía dưới có 2 hàng chữ (hàng chữ 1 “SỐ” hàng chữ thứ 2 “NGÀY THẨM ĐỊNH”) phong chữ Times New Roman cỡ 8.

3. Mẫu dấu 1d: Dấu đóng trên hồ sơ hoàn công (đối với trường hợp sau khi đóng mới có thay đổi với hồ sơ thiết kế đóng mới được thẩm định).

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ HỒ SƠ HOÀN CÔNG ĐƯỢC THẨM ĐỊNH
SỐ:.....
NGÀY THẨM ĐỊNH:.....

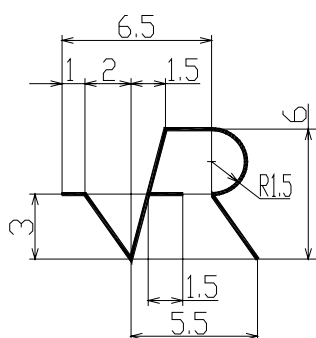
Quy cách: Dấu hình chữ nhật, có 02 hình chữ nhật: hình chữ nhật 1 có kích thước 30mm x 55mm, bề dày 0,2 mm; hình chữ nhật 2 cách hình chữ nhật 1 (về phía bên trong) bằng 0,5 mm, bề dày 0,1 mm. Bên trong hình chữ nhật, phía trên có 2 hàng chữ (hàng chữ 1 “ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ” phong chữ Times New Roman cỡ 12, hàng chữ thứ 2 “HỒ SƠ HOÀN CÔNG ĐƯỢC THẨM ĐỊNH”, phong chữ Times New Roman cỡ 9). Phía dưới có 2 hàng chữ (hàng chữ 1 “SỐ” hàng chữ thứ 2 “NGÀY THẨM ĐỊNH”) phong chữ Times New Roman cỡ 8.

4. Mẫu dấu 1đ: Dấu đóng trên hồ sơ sao duyệt (đối với trường hợp sao duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật đã được thẩm định).

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ SAO DUYỆT HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
SỐ SAO DUYỆT:.....
NGÀY SAO DUYỆT:.....
THIẾT KẾ ĐƯỢC SAO DUYỆT:.....

Quy cách: Dấu hình chữ nhật, có 02 hình chữ nhật: hình chữ nhật 1 có kích thước 30mm x 55mm, bề dày 0,2 mm; hình chữ nhật 2 cách hình chữ nhật 1 (về phía bên trong) bằng 0,5 mm, bề dày 0,1 mm. Bên trong hình chữ nhật, phía trên có 2 hàng chữ (hàng chữ 1 “ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ” phong chữ Times New Roman cỡ 12, hàng chữ thứ 2 “SAO DUYỆT HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT”, phong chữ Times New Roman cỡ 9). Phía dưới có 3 hàng chữ (hàng chữ 1 “SỐ SAO DUYỆT”, hàng chữ thứ 2 “NGÀY SAO DUYỆT”, hàng thứ 3 “THIẾT KẾ ĐƯỢC SAO DUYỆT”) phong chữ Times New Roman cỡ 8.

II. MẪU ÁN CHỈ VÀ BỘ SỐ

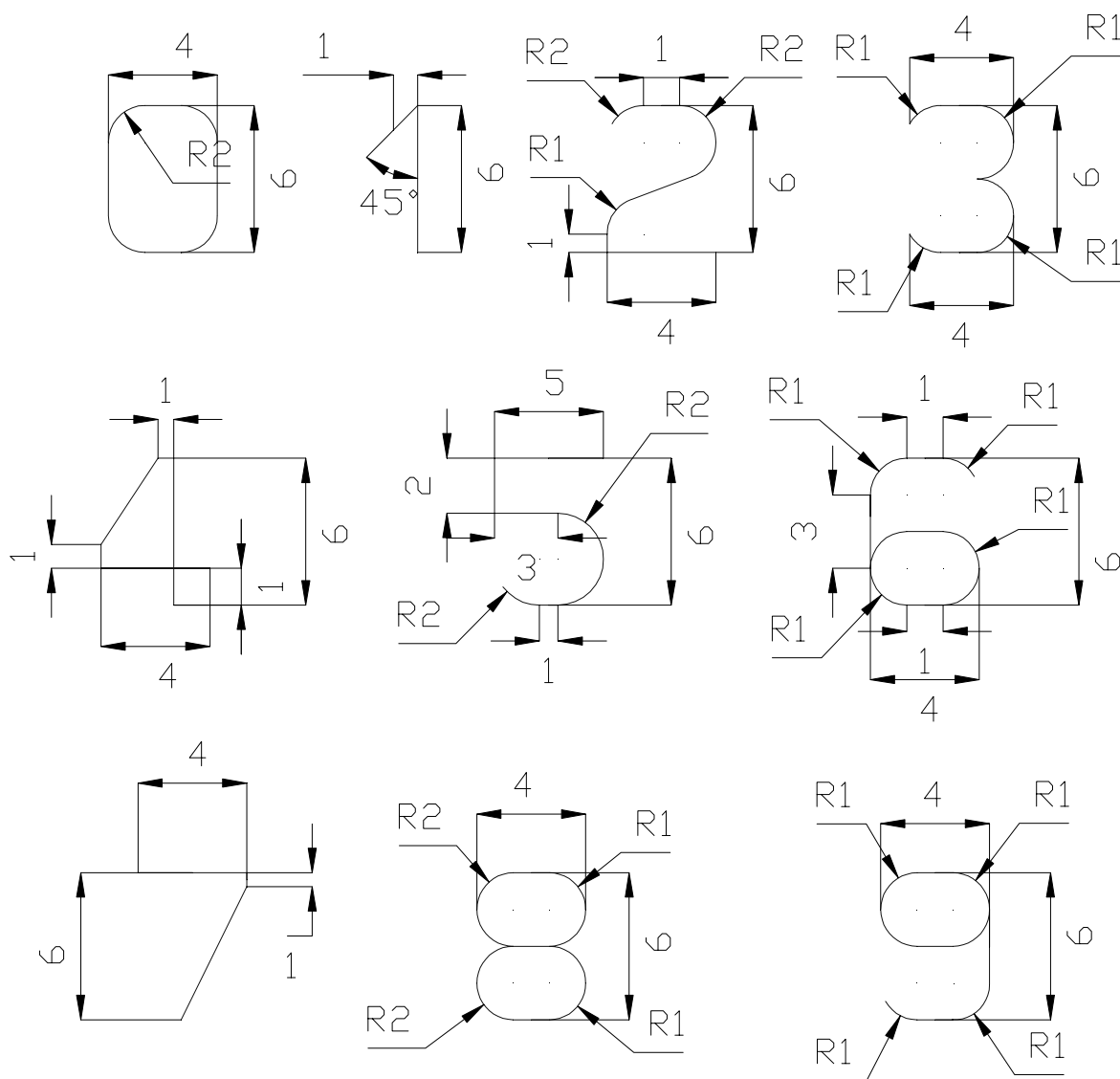


1. Mẫu án chỉ: Đóng chìm trên vật liệu, máy móc, các trang thiết bị lắp đặt trên tàu được đăng kiểm, kiểm định.

Quy cách: Án chỉ là biểu tượng cách điệu các chữ cái VFR (Việt Nam Fishing vessel Register) có kích thước như hình bên.

2. Bộ số

Số đóng chìm trên máy móc, các trang thiết bị lắp đặt trên tàu nhằm đánh dấu số lượng, chủng loại máy móc, vật liệu, các trang thiết bị được đăng kiểm, kiểm định.



Quy cách: Bộ số gồm 10 chữ số từ số 0 đến số 9, có kích thước như hình trên.

III. NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG DẤU, ẤN CHỈ NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

1. Dấu, ấn chỉ nghiệp vụ chỉ được sử dụng trong công tác kiểm tra, kiểm định, đánh giá trạng thái kỹ thuật tàu cá, vật liệu, trang thiết bị lắp đặt, sử dụng trên tàu cá.

2. Không được đóng dấu vào văn bản, giấy tờ không có nội dung; đóng dấu trước khi ký.

3. Dấu đóng phải đúng chiều, ngay ngắn, rõ ràng; phải được đóng trùm lên khoảng 1/3 chữ ký về bên trái.

4. Sử dụng mực xanh khi đóng dấu nghiệp vụ./.

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Kính gửi:.....

Tên cơ sở đề nghị:.....

Địa chỉ:.....

Số Giấy đăng ký kinh doanh/giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập:

.....

Tên cơ quan cấp:..... Ngày cấp:.....

Giấy chứng nhận đã được cấp số:..... ngày.....

Lý do đề nghị cấp lại:

Bị mất ☐ Hư hỏng ☐ Thay đổi thông tin ☐

Các thông tin thay đổi (nếu có):.....

Hồ sơ gửi kèm, gồm:.....

.....

.....

Đề nghị cơ quan thẩm quyền kiểm tra, đánh giá và cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá loại.....

CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục XIII
TRANG THIẾT BỊ AN TOÀN^(*) ĐỐI VỚI TÀU CÁ
CÓ CHIỀU DÀI DƯỚI 12 MÉT^()**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

	Tên thiết bị	Số lượng/ quy cách	Vị trí lắp đặt
I	Trang bị cứu sinh		
1	Phao tròn	02 chiếc	02 bên mạn tàu
2	Phao áo	(01 thuyền viên/cái) + (Dự trữ 10% hoặc 01 cái)	Giường ngủ thuyền viên và cabin
II	Trang bị Vô tuyến điện		
1	Máy thu phát VHF hai chiều từ 15w trở lên	01 chiếc	Cabin
2	Máy thu chuyên dụng thông tin dự báo thiên tai (SSB) hoặc ra đi ô trực canh nghe thông báo thời tiết.	01 chiếc	Cabin
III	Trang bị hàng hải		
1	La bàn từ lái hoặc la bàn từ chuẩn	01 chiếc	Cabin
2	Dụng cụ đo độ sâu bằng tay (dây, sào đo)	01 chiếc	-
IV	Trang bị tín hiệu		
1	Đèn mạn		
	+ Xanh	01 đèn	Mạn phải
	+ Đỏ	01 đèn	Mạn trái
2	Đèn cột (trắng) chiếu 04 phía	01 đèn	Mặt phẳng dọc tâm tàu
3	Đèn hiệu đánh cá: Xanh, đỏ, trắng	Khuyến khích trang bị	
4	Vật hiệu đánh cá: Hình nón đen	Khuyến khích trang bị	

	Tên thiết bị	Số lượng/ quy cách	Vị trí lắp đặt
V	Trang bị cứu hỏa		
3	Chăn 1,2 mét x 2 mét	01 chiếc	
4	Xô 5 lít có dây	01 chiếc	
VI	Trang bị chống đắm, chống thủng		
1	Nệm gỗ	05 đến 10 chiếc	Chỗ dễ lấy
2	Giẻ lau	02 kg	Chỗ dễ lấy
3	Vải bạt	Khuyến khích trang bị	
VII	Trang bị y tế		
	Túi thuốc cấp cứu	Khuyến khích trang bị	

Chú thích: (*) Trang thiết bị an toàn phải thỏa mãn yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang bị an toàn tàu cá - QCVN 02- 21:2015/BNNPTNT.

(**) Đối với tàu có chiều dài dưới 06 mét phải trang bị thiết bị cứu sinh (phao tròn, phao áo) và đèn tín hiệu hành trình màu xanh - đỏ (có thể ghép chung về 02 phía của 01 đèn); các yêu cầu khác không bắt buộc trang bị.

Phụ lục XIV**QUY CHUẨN, TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT TÀU CÁ VÀ
CÁC QUY CHUẨN, TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CÓ LIÊN QUAN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

TT	TÊN GỌI	KÝ HIỆU
I	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật tàu cá	
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 24 mét	QCVN 02-35:2021/BNNPTNT
2	Quy phạm phân cấp và đóng tàu cá biển	TCVN 6718:2000
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang bị an toàn tàu cá	QCVN 02-21:2015/BNNPTNT
II	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan	
1	Quy phạm phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép	QCVN 21:2015/BGTVT
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phân cấp và đóng tàu làm bằng chất dẻo cốt sợi thủy tinh	QCVN 56: 2013/BGTVT
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị nâng trên tàu biển	QCVN 23:2016/BGTVT
4	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống làm lạnh hàng.	QCVN 59: 2013/BGTVT
5	Quy chuẩn kiểm tra sản phẩm công nghiệp tàu biển	QCVN 64: 2015/BGTVT
6	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển của tàu	QCVN 26: 2016/BGTVT

TT	TÊN GỌI	KÝ HIỆU
7	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Quy phạm phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa vỏ xi măng lưới thép	QCVN 51:2012/BGTVT
8	Tiêu chuẩn phao tròn cứu sinh	TCVN 7283:2008
9	Tiêu chuẩn phao áo cứu sinh	TCVN 7282:2008

Chú thích:

Trường hợp các quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật nêu trên được bổ sung, sửa đổi hoặc quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan được cấp có thẩm quyền ban hành mới sau ngày Thông tư này có hiệu lực, thì các bổ sung sửa đổi hoặc các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật mới đó sẽ được áp dụng trong hoạt động đăng kiểm tàu cá.

Phụ lục XV
CÁC BIỂU MẪU VỀ BẢO ĐẢM AN TOÀN KỸ THUẬT
TÀU CÁ, TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Mẫu số 01.BĐ. Đơn đề nghị thẩm định thiết kế tàu cá/tàu công vụ thủy sản

Mẫu số 02.BĐ. Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá/tàu công vụ thủy sản

Mẫu số 03.BĐ. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá/tàu công vụ thủy sản

Mẫu số 04a.BĐ. Mẫu biên bản kiểm tra kỹ thuật hàng năm/trên đà

Mẫu số 04b.BĐ. Mẫu biên bản kiểm tra kỹ thuật lần đầu/định kỳ/cải hoán

Mẫu số 04c.BĐ. Mẫu biên bản kiểm tra kỹ thuật trước khi cải hoán/sửa chữa

Mẫu số 04d.BĐ. Mẫu biên bản kiểm tra từng phần

Mẫu số 04đ.BĐ. Mẫu biên bản thử nghiêng ngang

Mẫu số 04e.BĐ. Mẫu biên bản kiểm tra chạy thử máy chính tại bến

Mẫu số 04g.BĐ. Mẫu biên bản thử đường dài - xuất xưởng

Mẫu số 04h.BĐ. Mẫu bảng ghi kết quả đo tốc độ tàu

Mẫu số 04i.BĐ. Mẫu bảng ghi kết quả đo quán tính tàu

Mẫu số 04k.BĐ. Mẫu bảng ghi kết quả đo tính năng quay trở của tàu

Mẫu số 04l.BĐ. Mẫu biên bản kiểm tra chạy thử máy chính đường dài

Mẫu số 04m.BĐ. Mẫu biên bản kiểm tra chạy thử cụm máy phụ lái máy phát điện

Mẫu số 04n.BĐ. Mẫu bảng ghi kết quả chạy thử thiết bị neo

Mẫu số 05.BĐ. Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá/tàu công vụ thủy sản

Mẫu số 06.BĐ. Sổ đăng kiểm tàu cá/tàu công vụ thủy sản

Mẫu số 07.BĐ. Mẫu biên bản kiểm tra máy thủy cũ trước khi lắp đặt lên tàu cá.

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN**

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN^(*)**

Kính gửi:.....

Đơn vị thiết kế:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Chúng tôi đề nghị được thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật tàu cá/tàu công vụ thủy sản^(*) với các thông tin như sau:

- Tên/Ký hiệu thiết kế:..... Loại/năm thiết kế:.....

- Các thông số chính của tàu:

+ Chiều dài, $L_{\max}$ (m):.....; Chiều rộng, $B_{\max}$ (m):.....; Chiều cao mạn, D (m):.....

+ Trọng tải toàn phần (DW):.....; Vật liệu thân tàu:.....

+ Ký hiệu máy chính:.....; Tổng công suất máy chính (kW):.....

+ Số lượng máy (chiếc):.....; Số lượng thuyền viên:.....

+ Kiểu và công dụng (nghề) của tàu:.....

- Tên/địa chỉ chủ sử dụng thiết kế:.....

Chúng tôi đồng ý trả đầy đủ phí và lệ phí thẩm định thiết kế theo quy định hiện hành.

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Gạch hoặc xóa bỏ chỗ không phù hợp.

Mẫu số 02.BĐ

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ**TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ**

Căn cứ.....(*)... và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành của Nhà nước

Theo đề nghị thẩm định thiết kế số.... ngày.... tháng.... năm.... của.....

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM.....**CHỨNG NHẬN**

Tên thiết kế:..... Ký hiệu thiết kế:.....

Loại thiết kế:..... Năm thiết kế:.....

Công dụng (hoặc nghề):..... Vật liệu thân tàu:.....

Đơn vị thiết kế :

Kích thước cơ bản (m): L_{max} :.....; B_{max} :.....; D:..... L_{tk} :.....; B_{tk} :.....; d:.....

Tổng dung tích (GT):.....; Trọng tải toàn phần (DW):.....; Số thuyền viên:.....

Ký hiệu máy chính:.....

Tổng công suất máy chính (kW):..... Số lượng máy chính (chiếc):.....

Đã được thiết kế phù hợp với các yêu cầu của.....(*)... và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

Cấp tàu:..... Vùng hoạt động:.....

Chủ sử dụng thiết kế:.....

Địa chỉ:.....

Hiệu lực của Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế này là 60 tháng kể từ ngày ký, nếu không có thay đổi thiết kế đã được thẩm định.

Những lưu ý:.....

Cán bộ thẩm định kỹ thuật:.....

Cấp tại..... ngày.....

Nơi nhận:

- Chủ thiết kế (02 bản);
- Đơn vị giám sát (01 bản);
- Lưu đơn vị thẩm định.

TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:(*):Ghi rõ quy phạm áp dụng.

Mẫu số 03.BĐ

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN^(*)**

Kính gửi:.....

Họ tên người đề nghị:.....;

Địa chỉ:.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:.....

Điện thoại..... Fax..... Email.....

Đề nghị cơ sở đăng kiểm kiểm tra.....(**)..... và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá/tàu công vụ thủy sản^(*)

Kích thước cơ bản (m): L_{max} :.....; B_{max} :.....; D :.....

L_{tk} :.....; B_{tk} :.....; d :.....

Tổng dung tích (GT):.....; Trọng tải toàn phần (DW):.....; Số thuyền viên:.....

Ký hiệu máy chính:.....

Tổng công suất máy chính (kW):..... Số lượng máy chính (chiếc):.....

Thời gian và địa điểm đề nghị kiểm tra:.....

Chúng tôi đồng ý trả đầy đủ phí và lệ phí đăng kiểm theo quy định hiện hành.

CHỦ TÀU
(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích: () Gạch hoặc xóa bỏ chỗ không phù hợp.*

*(**) Ghi rõ: Kiểm tra đóng mới, lần đầu, định kỳ, trên đà, hàng năm hay bất thường.*

Mẫu số 04a.BĐ

**MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT
HÀNG NĂM/TRÊN ĐÀ**

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC...

....., ngày..... tháng... năm 20...



**BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT
HÀNG NĂM/TRÊN ĐÀ^(*)**

Tên tàu:	Công dụng (nghề):		
Số đăng ký:	Năm, nơi đóng:		
Chủ tàu:	Địa chỉ:		
Nơi kiểm tra:			
Theo yêu cầu kiểm tra hàng năm/trên đà ^(*) của			
Chúng tôi gồm: 1.			
2.			
3.			
Là đăng kiểm viên của.....			
Đã kiểm tra an toàn kỹ thuật hàng năm/trên đà ^(*) tàu nói trên và nhận thấy:			
A. THÂN TÀU			
Kết cấu thân tàu:			
- Phần vỏ:	Thỏa mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Phần thượng tầng:	Thỏa mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Phần sơn tàu (đánh dấu tàu cá):	Thỏa mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
B. MÁY CHÍNH, MÁY PHỤ VÀ CÁC HỆ THỐNG			
Máy chính 1:			
Ký hiệu máy:	Vòng quay định mức (rpm):		
Công suất, (kW):	Số máy:		
Kết quả kiểm tra:	Thỏa mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động

Máy chính 2:				
Ký hiệu máy:		Vòng quay định mức, <i>rpm</i> :		
Công suất, <i>kW</i> :		Số máy:		
Kết quả kiểm tra:	Thỏa mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động	
Máy chính....				
Máy phụ 1:				
Ký hiệu máy:		Vòng quay định mức, <i>rpm</i> :		
Công suất, <i>kW</i> :		Số máy:		
Kết quả kiểm tra:	Thỏa mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động	
Máy phụ 2:				
Ký hiệu máy:		Vòng quay định mức (<i>rpm</i>):		
Công suất, (<i>kW</i>):		Số máy:		
Kết quả kiểm tra:	Thỏa mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động	
Máy phụ.....				
C. HỆ TRỤC CHÂN VỊT				
Kết quả kiểm tra:	Thỏa mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động	
D. CÁC TRANG THIẾT BỊ		Thỏa mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Cứu sinh:				
- Tín hiệu:				
- VTĐ:				
- Hàng hải:				
- Neo:				
- Lái:				
- Cứu hỏa:				
- Chống thùng, chống chìm:				
- Khai thác:				
- Điện:				
- Lạnh:				
- Các trang thiết bị khác:				

TÓM TẮT VỀ KẾT QUẢ KIỂM TRA			
	Thỏa mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
1. Thân tàu :			
2. Máy chính, máy phụ:			
3. Các trang thiết bị:			
YÊU CẦU CỤ THỂ			
KẾT LUẬN			
Căn cứ vào kết quả kiểm tra, kết luận như sau:			
- Trạng thái kỹ thuật:	Thỏa mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Vùng hoạt động:			
- Thời hạn đến hết ngày.../.../20..		Với điều kiện phải thực hiện các yêu cầu ứng với:	
Mạn khô,(m):.....; Trọng tải toàn phần, (DW):.....; Số thuyền viên, (người):.....			
- Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:			
Kết quả kiểm tra được ghi vào trang..... Sổ Đăng kiểm tàu cá.			
Biên bản này được lập 02 bản: Chủ tàu 01 bản, Cơ sở đăng kiểm tàu cá 01 bản			

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**ĐĂNG KIỂM VIÊN**

Chú thích: (*) Gạch bỏ chỗ không phù hợp.

Mẫu số 04b.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT LẦN ĐẦU/ĐỊNH KỲ/CẢI HOÁN**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC

....., ngày..... tháng..... năm 20...


BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT
Lần đầu/Định kỳ/Cải hoán^(*)

Tên tàu:	Công dụng (nghề):		
Số đăng ký:	Năm, nơi đóng:		
Chủ tàu:			
Địa chỉ:			
Nơi kiểm tra:			
Kích thước $L_{\max}$ (m):	$B_{\max}$ (m):	D (m):	
L_{TK} (m):	B_{TK} (m):	d (m):	
Theo yêu cầu kiểm tra đóng mới (lần đầu)/định kỳ/cải hoán ^(*) của:			
Chúng tôi gồm:			
1.			
2.			
3.			
Là đăng kiểm viên của cơ sở đăng kiểm.....			
Đã kiểm tra an toàn kỹ thuật đóng mới (lần đầu)/định kỳ/cải hoán ^(*) tàu nói trên và nhận thấy:			
A. THÂN TÀU			
Kết cấu thân tàu:			
- Phần vỏ:	Thỏa mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Phần thượng tầng:	Thỏa mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Phần sơn tàu (đánh dấu tàu cá):	Thỏa mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Các tính năng kỹ thuật			
- Tốc độ tự do (hl/h):			
- Đường kính vòng quay trở: Quay phải (m):..... Thời gian (s):.....			
Quay trái (m):..... Thời gian (s):.....			

- Quán tính: Tiến, khoảng cách (m):..... Thời gian (s):..... Lùi, khoảng cách (m):..... Thời gian (s):.....			
B. MÁY CHÍNH, MÁY PHỤ VÀ CÁC HỆ THỐNG			
Máy chính 1:			
Ký hiệu máy:	Số máy:	Công suất (N _e , kW):	
Vòng quay định mức n _e (rpm):	Năm:	Nơi chế tạo:	
Kết quả kiểm tra	Thỏa mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Máy chính 2:			
Ký hiệu máy:	Số máy:	Công suất (N _e , kW):	
Vòng quay định mức n _e (rpm):	Năm:	Nơi chế tạo:	
Kết quả kiểm tra	Thỏa mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Máy chính.....			
Máy phụ 1:			
Ký hiệu máy:	Công suất, kW:	Số máy:	
Vòng quay định mức, rpm:	Năm:	Nơi chế tạo:	
Kết quả kiểm tra:	Thỏa mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Máy phụ 2:			
Ký hiệu máy:	Công suất, kW:	Số máy:	
Vòng quay định mức, rpm:	Năm:	Nơi chế tạo:	
Kết quả kiểm tra:	Thỏa mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Máy phụ.....			
C. HỆ TRỤC CHÂN VỊT			
Kết quả kiểm tra:	Thỏa mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
D. CÁC TRANG THIẾT BỊ	Thỏa mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Cứu sinh:			
- Tín hiệu:			

- VTĐ:			
- Hàng hải:			
- Neo:			
- Lái:			
- Cứu hỏa:			
- Hút khô, chống thủng:			
- Khai thác:			
- Điện:			
- Lạnh:			
Các trang thiết bị khác:.....			
TÓM TẮT VỀ KẾT QUẢ KIỂM TRA			
	Thỏa mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
1. Thân tàu :			
2. Máy chính, máy phụ:			
3. Các trang thiết bị:			
YÊU CẦU CỤ THỂ			
KẾT LUẬN			
Căn cứ vào kết quả kiểm tra, kết luận như sau:			
- Trạng thái kỹ thuật	Thỏa mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Vùng hoạt động:			
- Thời hạn đến hết ngày... tháng... năm 20... với điều kiện phải thực hiện các yêu cầu ứng với:			
Mạn khô, <i>m</i> :.....; Trọng tải toàn phần, (DW):.....; Số thuyền viên, <i>người</i> :.....			
- Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:			
Kết quả kiểm tra được ghi vào trang..... Sổ Đăng kiểm tàu cá			
Biên bản này được lập 02 bản: Chủ tàu 01 bản, đăng kiểm tàu cá 01 bản.			

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**ĐĂNG KIỂM VIÊN***Chú thích: (*) Gạch bỏ chỗ không phù hợp.*

Mẫu số 04c.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT TRƯỚC KHI CẢI HOÁN/SỬA CHỮA
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐKTC

....., ngày..... tháng.... năm 20...



BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT
TRƯỚC KHI CẢI HOÁN/SỬA CHỮA^(*)

Tên tàu:		Công dụng (nghề):	
Số đăng ký:		Năm, nơi đóng:	
Chủ tàu:		Nơi kiểm tra:	
Kích thước	$L_{\max}$ (m):.....;	$B_{\max}$ (m):.....;	D (m):.....
	L_{TK} (m):.....;	B_{TK} (m):.....;	d (m):.....
Theo yêu cầu kiểm tra:.....(**)....., ngày.... tháng..... năm 20.... của.....			
Chúng tôi gồm:.....			
Đăng kiểm viên của:.....			
Đã kiểm tra tàu nói trên và nhận thấy:			
A. THÂN TÀU			
Kết cấu thân tàu:		Thỏa mãn	Hạn chế
Phân vỏ:.....			Cấm hoạt động
Phần thượng tầng.....			

B. MÁY CHÍNH, MÁY PHỤ VÀ CÁC HỆ THỐNG

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức (N_e , kW)	Vòng quay định mức n_e (rpm)	Năm, nơi chế tạo
1					
2					
...					

Kết quả kiểm tra:.....

Máy phụ:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức (N_e , kW)	Vòng quay định mức n_e (rpm)	Năm, nơi chế tạo
1					
...					

Kết quả kiểm tra:.....

Hệ thống phục vụ máy (van, ống, két, các bơm...):

Kết quả kiểm tra:.....

C. HỆ TRỤC CHÂN VỊT			
Kết quả kiểm tra:.....	Thỏa mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
.....			
.....			
D. CÁC TRANG THIẾT BỊ	Thỏa mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Cứu sinh:			
Tín hiệu:			
Vô tuyến điện:			
Hàng hải:			
Neo:			
Lái:			
Cứu hỏa:			
Hút khô, chống thùng:			
Khai thác:			
Điện:			
Lạnh:			
Các trang thiết bị khác:			
Kết quả kiểm tra:			

II. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẢI HOÁN/SỬA CHỮA^(*)

A. THÂN TÀU B. MÁY CHÍNH, MÁY PHỤ VÀ CÁC HỆ THỐNG, HỆ TRỤC CHÂN VỊT C. CÁC TRANG THIẾT BỊ
NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA ĐẢNG KIỂM VIÊN VỀ NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẢI HOÁN/SỬA CHỮA^(*)

YÊU CẦU CỤ THỂ
.....
.....
KẾT LUẬN
.....
.....
- Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:
Biên bản này được lập 02 bản: Chủ tàu 01 bản, đăng kiểm tàu cá 01 bản

**ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÓNG MỚI/ ĐĂNG KIỂM VIÊN
CẢI HOÁN**

Ghi chú: (*) Gạch bỏ chỗ không phù hợp.

(**) Ghi rõ nội dung đề nghị cải hoán (vỏ, máy, nghề) ; sửa chữa (trên đà/định kỳ/bất thường).

Mẫu số 04d.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA TÙNG PHẦN

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐKTC

....., ngày..... tháng..... năm 20...



BIÊN BẢN
KIỂM TRA TÙNG PHẦN

Tên sản phẩm:.....

Nơi đóng mới/cải hoán/sửa chữa.....

Theo yêu cầu:.....; Ngày..... tháng..... năm.....

Của:.....;

Chúng tôi gồm:.....

Đăng kiểm viên của:.....

Căn cứ vào hồ sơ thiết kế..... và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

Kiểm tra từng phần:.....

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA^(*)

.....

YÊU CẦU CỤ THỂ

.....

KẾT LUẬN

.....

Họ tên, chữ ký của những người có mặt khi kiểm tra:

.....

Biên bản này được lập 03 bản; chủ cơ sở sản xuất 01 bản, chủ tàu 01 bản, Đăng kiểm tàu cá 01 bản.

ĐĂNG KIỂM VIÊN^()***Ghi chú:*

() Không giới hạn độ dài trang, cách ghi và cách biểu diễn bằng các bảng, hình vẽ kỹ thuật đối với nội dung và kết quả kiểm tra.*

*(**) ĐKV theo chuyên môn.*

Mẫu số 04đ.BĐ

MẪU BIÊN BẢN THỦ' NGHIỆM NGANG**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số: /ĐKTC

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20....

BIÊN BẢN THỦ' NGHIỆM NGANG

Tên sản phẩm:.....

Ký hiệu thiết kế:.....

Đơn vị thi công:.....

Phương pháp thử ☐ Ống thủy bình/☐ Quả dọi**I. KÍCH THƯỚC CHÍNH CỦA TÀU**

- Chiều dài lớn nhất $L_{\max} = \dots\dots\dots$ m
- Chiều dài hai trụ $L_{pp} = \dots\dots\dots$ m
- Chiều rộng lớn nhất $B_{\max} = \dots\dots\dots$ m
- Chiều rộng thiết kế $B_{tk} = \dots\dots\dots$ m
- Chiều cao mạn $D = \dots\dots\dots$ m
- Chiều chìm thiết kế $d = \dots\dots\dots$ m
- Lượng chiếm nước $\Delta = \dots\dots\dots$ Tấn

II. THÀNH PHẦN THAM GIA THỦ'**1. Đại diện đăng kiểm:**

- -

- -

- -

2. Đại diện thiết kế:

- -

- -

3. Đại diện nhà máy:

- -

- -

4. Chủ tàu:

- -

III. THỜI GIAN THỦ'

Từ..... giờ..... đến..... giờ....., Ngày..... tháng..... năm.....

IV. ĐỊA ĐIỂM THỬ

Tại:..... Độ sâu nơi thử:.....

V. THỜI TIẾT

- + Tạnh ráo, nhiệt độ.....⁰C
- + Tỷ trọng nước:..... tấn/m³
- + Tốc độ gió: trước, trong và sau khi thử:..... m/s
- + Tốc độ dòng chảy:..... m/s

VI. ĐỘ NGHIÊNG BAN ĐẦU**VII. MÓN NƯỚC CỦA TÀU TRƯỚC VÀ SAU KHI THỬ**

Món nước (đo tại thước nước)	Mạn trái (m)		Mạn phải (m)	
	Mũi tàu	Lái tàu	Mũi tàu	Lái tàu
- Trước khi thử				
- Sau khi thử				

VIII. GÓC TỌA ĐỘ

- Góc tọa độ của tàu tại:.....

IX. KHỐI LƯỢNG VẬT DẦN

- Là **04** vị trí vật dằn: tổng khối lượng là..... kg, chia thành **04** nhóm và được đặt trên..... ở các vị trí sau:

Số nhóm vật dằn	Vị trí các nhóm vật dằn	Trọng lượng, P (Kg)	Tay đòn dịch chuyển, Xi (m)	Chiều cao trọng tâm tính từ ĐCB, Yi (m)
I				
II				
III				
IV				

- Sai số khi cân mỗi nhóm: $\Delta P = \dots\dots\dots$ Kg

X. THỨ TỰ DI CHUYỂN CÁC NHÓM VẬT DẦN GÂY NGHIÊNG

- Sai số của khoảng cách di chuyển $\Delta Li = \dots\dots\dots$ mm

Thứ tự di chuyển	Số nhóm vật dằn		Khoảng cách di chuyển vật dằn (Li)
	Mạn trái	Mạn phải	
0			
1			
2			
3			
.....			

XI. TRỌNG LƯỢNG THỪA

TT	Tên gọi trọng lượng	Vị trí	Trọng lượng, P (Tấn)	Tay đòn (m)		
				X _g	Y _g	Z _g
1	Nhóm vật dẫn I					
2	Nhóm vật dẫn II					
3	Nhóm vật dẫn III					
4	Nhóm vật dẫn IV					
5	Người vận chuyển vật dẫn					
6	Nhóm đọc, ghi dọi (ống thủy bình) 1					
7	Nhóm đọc, ghi dọi (ống thủy bình) 2					
8	Thùng nước 1					
9	Thùng nước 2					
10	Chỉ huy thử					
11	Giám sát					
12	Dầu máy					
13	...					

XII. TRỌNG LƯỢNG THIẾU

TT	Tên gọi trọng lượng	Vị trí	Trọng lượng, P (Tấn)	Tay đòn(m)		
				X _g	Y _g	Z _g
1						
2						
....						

XIV. BẢNG GHI ĐỘ LỆCH CỦA ỐNG THỦY BÌNH

a. Ống thủy bình mũi: Vị trí đặt ống thủy bình:.....

Khoảng cách giữa 2 đầu ống:.....(m)

Mạn phải:

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
0										
1										
2										
....										

Người đọc

Người ghi

Đăng kiểm

Mạn trái:

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
0										
1										
2										
...										

Người đọc

Người ghi

Đăng kiểm

b. Ống thủy bình lái:

Vị trí đặt ống thủy bình:..... Khoảng cách giữa 2 đầu ống:..... (m)

Mạn phải:

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
0										
1										
2										
...										

Người đọc

Người ghi

Đăng kiểm

Mạn trái:

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
0										
1										
2										
...										

Người đọc

Người ghi

Đăng kiểm

XV. BẢNG GHI ĐỘ LỆCH CỦA QUẢ DỌI

a. Quả dọi mũi: Vị trí đặt quả dọi:..... Chiều dài dây dọi:..... (m)

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	I		II		III		IV		V	
	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải
1										
2										
...										

Người đọc

Người ghi

Đăng kiểm

b. Quả dọi lái: Vị trí đặt quả dọi:..... Chiều dài dây dọi:..... (m)

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	I		II		III		IV		V	
	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải
0										
1										
2										
...										

Người đọc

Người ghi

Đăng kiểm

c. Quả dọi giữa: Vị trí đặt quả dọi:..... chiều dài dây dọi:..... (m)

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	I		II		III		IV		V	
	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải
1										
2										
....										

Người đọc

Người ghi

Đăng kiểm

CHỦ TÀU

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

THIẾT KẾ

ĐĂNG KIỂM VIÊN

Mẫu số 04e.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA CHẠY THỬ MÁY CHÍNH TẠI BẾN

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐKTC

....., ngày..... tháng..... năm 20...



BIÊN BẢN KIỂM TRA
CHẠY THỬ MÁY CHÍNH TẠI BẾN^(*)

Tên tàu:.....; Ký hiệu thiết kế:.....

Ký hiệu máy:.....; Số máy:.....

Công suất N_e , kW:.....; Vòng quay định mức n_e , rpm:.....

Nơi sản xuất:.....; Năm sản xuất:.....

Số TT	Chế độ thử		Vòng quay máy (rpm)	Thời gian (min)	áp lực dầu bôi trơn kg/cm ²	Nhiệt độ dầu bôi trơn, °C	Nhiệt độ nước làm mát, °C		Nhiệt độ khí xả, °C	áp lực dầu hộp số kg/cm ²	Nhiệt độ dầu hộp số, °C
	% Công suất N _e	ứng với % n _e					Vòng trong	Vòng ngoài			
1	Chạy không tải			15							
Chạy tiến											
2	39	50		15							
3	63	63		15							
4	83	73		15							
5	100	82		2÷4h							
Chạy lùi											
6	85	75		15							
7	Chạy ở vòng quay ổn định nhỏ nhất		Theo thực tế	15							

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

ĐẠI DIỆN
CHỦ TÀU

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

ĐẠI DIỆN HÃNG MÁY/
CƠ SỞ CUNG CẤP

ĐĂNG KIỂM VIÊN

Ghi chú: () Không áp dụng đối với tàu cá vỏ gỗ. Đăng kiểm xem xét áp dụng quy trình thử của hãng máy trong trường hợp hãng máy đã công bố quy trình thử.*

Mẫu số 04g.BĐ

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm 20...



BIÊN BẢN THỬ TÀU (Thử đường dài - xuất xưởng)

Tên tàu:.....; Ký hiệu thiết kế:.....

Chủ tàu:.....

Nơi thường trú:.....

Nơi đóng:.....; Năm đóng:.....

Cơ sở đăng kiểm:.....

Tàu đã hoàn thành các bước kiểm tra kỹ thuật và thử tại bến, nay đủ điều kiện thử đường dài.

Khu vực tiến hành cuộc thử:.....

Trong điều kiện thời tiết:....., Độ sâu, mét:.....

Hướng dòng chảy:....., Cấp gió, Bôfo:.....

A. THÀNH PHẦN THỬ TÀU GỒM:

1. Đại diện Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....

2. Đại diện chủ tàu:.....

3. Đại diện cơ sở đóng, sửa tàu:.....

* Điều khiển tàu: Ông..... bằng T. trưởng số:.....

Ngày cấp bằng:.....; Nơi cấp:.....

* Phụ trách máy: Ông..... bằng M. trưởng số:.....

Ngày cấp bằng:.....; Nơi cấp:.....

Cùng thủy thủ đoàn theo đúng quy định thử tàu.

Tàu chạy thử trong điều kiện đủ phao cứu sinh, dụng cụ chống cháy, chống thùng và các yêu cầu khác, đảm bảo hoạt động, sinh hoạt trong thời gian thử tàu.

B. KẾT QUẢ THỬ TÀU

1. Thân tàu: Đã thử các tính năng (có bảng kết quả kèm theo) và nhận thấy:

.....

2. Máy chính và các hệ thống phục vụ máy chính hoạt động :

Nhãn hiệu máy:.....; Công suất, kW:.....; Vòng quay định mức, rpm:.....

Kiểu hộp số:.....; i =.....

3. Máy phụ:

Nhãn hiệu máy:.....; Công suất, kW:.....; Vòng quay định mức, rpm:.....

Kết quả kiểm tra mục 2 và 3 (có bảng kết quả kèm theo):

4. Hệ trục chân vịt:

Số lượng:.....; Vật liệu trục:.....; đường kính trục (mm):.....

Chân vịt: $D =$, mm; $Z =$, $H/D =$, $n_{cv} =$ rpm, $\theta =$

Chiều quay (nhìn từ lái):.....;

Kết quả kiểm tra:.....

5. Hệ thống lái, neo:

Kiểu lái:.....; Truyền dẫn lái:.....; lái dự phòng:.....

Tời neo, kiểu:.....; Số lượng neo:..... chiếc

Trọng lượng (kg/chiếc):.....; dây neo, dài:..... m

Đường kính dây neo, $f =$ mm

Kết quả kiểm tra mục 4 và 5 (có bảng kết quả kèm theo):

6. Trang bị cứu sinh:

* Phao bè, kiểu, *cái*:.....; Dụng cụ nổi, *cái*:.....

Phao tròn, *cái*:.....; Phao áo, *cái*:.....

* Xuồng cấp cứu, kiểu, *cái*:.....

Kết quả kiểm tra:

7. Trang bị tín hiệu:

* Đèn tín hiệu: Đèn hành trình (*mạn, cột, lái*).....

* Đèn đánh cá: Xanh:.....; Trắng:.....; Đỏ:.....;

Đèn nháy (màu vàng):..... Đèn pha:.....

* Đèn neo (trắng):.....; Đèn "mất khả năng điều động" (màu đỏ), *cái*:.....

* Âm hiệu: Còi, kiểu, *cái*:.....; Chuông, kiểu, *cái*:.....; Pháo hiệu, *cái*:.....

* Vật hiệu: Hình cầu, *cái*:.....; Hình nón, *cái*:.....; Hình thoi, *cái*:.....

Kết quả kiểm tra:

8. Trang bị hàng hải:

* La bàn lái, kiểu, *cái*:.....; ống nhòm, *cái*:.....

* Ra đa hàng hải, kiểu:.....; số máy:.....

* Định vị vệ tinh, kiểu:.....; số máy:.....

* Lò cá, đo sâu, kiểu:.....; số máy:.....

* Đèn tín hiệu ban ngày:.....

Kết quả kiểm tra:

.....

.....

9. Thiết bị VTĐ:

* Máy thu, phát VTĐ, kiểu:.....; Công suất, W :.....; số máy:.....

* Máy đàm thoại sóng ngắn 02 chiều, kiểu:.....; Công suất, W :.....

* Các máy VTĐ khác:.....

Kết quả kiểm tra:.....

10. Máy khai thác:

* Loại máy:.....; Sức kéo định mức, kg :.....

Năm, nơi chế tạo:.....

* Hệ thống động lực dẫn động:.....; Công suất (kW):.....

* Dụng cụ đánh bắt khác:.....

* Hệ thống tăng gông:.....

* Hệ thống ánh sáng (tổng công suất, kW):.....

Loại đèn, số lượng (cái):.....

11. Hệ cầu:

* Cầu cầu, kiểu:.....; Tầm vớt, m :..... Sức nâng, kg :.....

* Pa lăng (cái):.....; Tải trọng (kW):.....; Ròng rọc (cái):.....

Kết quả kiểm tra mục 10, 11:

.....

.....

12. Thiết bị điện:

* Máy phát điện, kiểu:.....; Vòng quay n_e (rpm):.....

Công suất, kW :.....; Điện áp (V):.....

* Động cơ điện, kiểu:.....; Vòng quay n_e (rpm):.....

Công suất, kW :.....; Điện áp (V):.....

* Ấc quy, kiểu:.....; Dung lượng (A/h):.....

Công suất, kW :.....; Điện áp (V):.....

Số lượng bình:.....

13. Thiết bị lạnh:

* Thiết bị lạnh, kiểu máy:.....; Công suất:.....

Kết quả kiểm tra mục 12, 13:

.....

.....

14. Tính năng kỹ thuật của tàu: (có bảng kết quả kèm theo)

* Tốc độ tự do trung bình (hl/h):

* Đường kính vòng quay trở: Trái (m):.....; Thời gian (s):.....

Phải (m):.....; Thời gian (s):.....

* Quán tính: Tiến, khoảng cách (m):.....; Thời gian (s):.....

Lùi, khoảng cách (m):.....; Thời gian, (s):.....

C. KẾT LUẬN.....
.....
Chúng tôi nhất trí đánh giá:.....

Biên bản này được đọc cho mọi người cùng nghe.

Biên bản được lập thành 04 bản: Đăng kiểm 01 bản, chủ tàu 01 bản, cơ sở đóng tàu 02 bản

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ****ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU****ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÓNG MỚI,
CẢI HOÁN TÀU**

Mẫu số 04h.BĐ

MẪU BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO TỐC ĐỘ TÀU**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC

....., ngày..... tháng..... năm...

**BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO TỐC ĐỘ TÀU**

Tên tàu:.....; Ký hiệu thiết kế:.....

Kích thước chính ($L_{\max} \times B_{\max} \times D$):.....Chiều chìm d , m:.....; mạn khô f , m:.....

TT	Vòng quay máy chính, n_e (rpm)	Công suất máy chính, N_e (kW)	Tốc độ tàu (hl/h)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió	Trạng thái mặt nước (cấp sóng)	Ghi chú
1							
2							
3							

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

.....

.....

.....

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**CƠ SỞ ĐÓNG TÀU****ĐĂNG KIỂM VIÊN**

Mẫu số 04i.BĐ

MẪU BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO QUÁN TÍNH TÀU

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐKTC

....., ngày..... tháng..... năm...

**BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO QUÁN TÍNH TÀU**

Tên tàu:.....; Ký hiệu thiết kế:.....

Kích thước chính ($L_{\max} \times B_{\max} \times D$):.....

Chiều chìm d, m:.....; mạn khô f, m:.....

TT	Chế độ	Quãng đường tàu trượt theo quán tính (m, hoặc $L_{\max}$)	Thời gian trượt theo quán tính (s)	Ghi chú
1	Tàu chạy tiến toàn tốc, ngừng máy (stop) → khi tàu dừng (100% công suất)			
2	Tàu chạy tiến toàn tốc, ngừng máy (stop), lùi nhanh → khi tàu dừng (100% công suất)			
3	Tàu chạy lùi toàn tốc, ngừng máy(stop) → khi tàu dừng (100% công suất)			

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**CƠ SỞ ĐÓNG TÀU****ĐĂNG KIỂM VIÊN**

Mẫu số 04k.BĐ

MẪU BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO TÍNH NĂNG QUAY TRỞ CỦA TÀU**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC

....., ngày..... tháng..... năm...

**BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO
TÍNH NĂNG QUAY TRỞ CỦA TÀU**

Tên tàu:.....; Ký hiệu thiết kế:.....

Kích thước chính ($L_{\max} \times B_{\max} \times D$):.....Chiều chìm d , m:.....; mạn khô f , m:.....

TT	Hướng quay	Vòng quay máy chính (rpm)	Công suất máy chính, kW	Cấp gió và hướng gió (bofo)	Đường kính vòng lượn (m)	Thời gian lượn vòng (s)	Góc nghiêng ngang khi lượn (độ)	Ghi chú
1	Phải							
2	Trái							

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

.....

.....

.....

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**CƠ SỞ ĐÓNG TÀU****ĐĂNG KIỂM VIÊN**

Mẫu số 041.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA CHẠY THỬ MÁY CHÍNH ĐƯỜNG DÀI**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC

....., ngày..... tháng..... năm...

**BIÊN BẢN KIỂM TRA
CHẠY THỬ MÁY CHÍNH ĐƯỜNG DÀI^(*)**

Tên tàu:.....; Ký hiệu thiết kế:.....

Ký hiệu máy:.....; Số máy:.....

Công suất N_e , kW:.....; Vòng quay định mức n_e , rpm:.....

Nơi sản xuất:.....; Năm sản xuất:.....

Số TT	Chế độ thử		Vòng quay máy (<i>rpm</i>)	Thời gian (min)	Áp lực dầu bôi trơn kg/cm^2	Nhiệt độ dầu bôi trơn, $^{\circ}\text{C}$	Nhiệt độ nước làm mát, $^{\circ}\text{C}$		Nhiệt độ khí xả, $^{\circ}\text{C}$	Áp lực dầu hộp số kg/cm^2	Nhiệt độ dầu hộp số, $^{\circ}\text{C}$
	% Công suất N_e	ứng với % n_e					Vòng trong	Vòng ngoài			
1	Chạy không tải			15							
Chạy tiến											
2	25	63		15							
3	50	80		15							
4	75	91		15							
5	100	100		4÷6h							
6	110	103		15							
Chạy lùi											
7	100	100		15							
8	Chạy ở vòng quay ổn định nhỏ nhất		Theo thực tế	15							

Ý KIẾN NHẬN XÉT**ĐẠI DIỆN
CHỦ TÀU****CƠ SỞ
ĐÓNG TÀU****ĐẠI DIỆN HÃNG/CƠ SỞ
CUNG CẤP MÁY****ĐĂNG KIỂM VIÊN**

Ghi chú: () Đăng kiểm xem xét áp dụng quy trình thử của hãng máy trong trường hợp hãng máy đã công bố quy trình thử.*

Mẫu số 04m.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA CHẠY THỬ MÁY PHỤ LAI MÁY PHÁT ĐIỆN
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐKTC

....., ngày..... tháng..... năm 20.....



BIÊN BẢN KIỂM TRA
CHẠY THỬ CỤM MÁY PHỤ LAI MÁY PHÁT ĐIỆN^(*)

Tên tàu:.....; Ký hiệu thiết kế:.....

Ký hiệu máy:.....; Số máy:.....

Công suất N_e , kW:.....; Vòng quay định mức n_e , rpm:.....

Nơi sản xuất:.....; Năm sản xuất:.....

TT	Chế độ thử		Vòng quay máy (rpm)	Thời gian (min)	áp lực dầu bôi trơn kg/cm ²	Nhiệt độ dầu bôi trơn °C	Nhiệt độ nước làm mát, °C	Công suất máy phát (kW)	Dòng điện (A)	Điện áp (V)	Tần số (Hz)
	% Công suất N _e	ứng với % n _e									
1	Chạy không tải			15							
Chạy có tải											
2	50	80		15							
3	75	91		30							
4	100	100		60							

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

.....

.....

.....

ĐẠI DIỆN
CHỦ TÀU

CƠ SỞ
ĐÓNG TÀU

ĐẠI DIỆN HÃNG/
CƠ SỞ CUNG CẤP MÁY

ĐĂNG KIỂM VIÊN

Ghi chú: () - Đăng kiểm xem xét áp dụng quy trình thử của hãng máy trong trường hợp hãng máy đã công bố quy trình thử.*

- Thử hòa đồng bộ các máy phát, đồng thời thử hoạt động các hệ thống, trang thiết bị, như: Trang thiết bị an toàn, khai thác, hút khô - dẫn, cứu hỏa, lái, neo...

MẪU BẢNG GHI KẾT QUẢ THỬ THIẾT BỊ NEO

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐKTC

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**BẢNG GHI KẾT QUẢ THỬ THIẾT BỊ NEO**

Tên tàu:.....; Ký hiệu thiết kế:.....

Kiểu neo:.....; Số lượng, chiếc:.....

Trọng lượng, kg/chiếc:.....

Kiểu tời neo:.....; Chiều dài dây neo, m:.....

TT	Chế độ thử	Độ sâu nơi đậu (m)	Chiều dài dây neo thả xuống (m)	Tốc độ kéo neo (m/min)		Ghi chú
				1 neo	2 neo	
1	Thả neo					
2	Kéo neo					

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

.....

.....

.....

.....

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**CƠ SỞ ĐÓNG TÀU****ĐĂNG KIỂM VIÊN**

Mẫu số 05.BĐ

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN
AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số:...../ĐKTC
N⁰
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN
AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN^(*)
Technical and safety certificate of fishing vessel/ship duty fisheries^(*)

Tên tàu:..... Số đăng ký:..... Hô hiệu:.....
Name of vessel..... Registration number..... Call sign.....
 Chủ tàu: (Vessel's owner)..... Quốc tịch: (Flag).....
 Địa chỉ: (Address).....
 Năm và nơi đóng: (Year and Place of Build).....
 Công dụng (nghề):..... Vật liệu thân, vỏ:.....
Used for (fishing gear)..... Materials.....
 Tổng dung tích:..... Trọng tải toàn phần:..... Số thuyền viên:.....
Gross tonnage..... Deadweight..... Number of crew.....
 Chiều dài, L_{max}:..... (m) Chiều rộng, B_{max}:..... (m) Chiều cao mạn, D:..... (m)
Length overal..... Breadth overal..... Draught.....
 Chiều dài thiết kế, L_{tk}:... (m) Chiều rộng thiết kế, B_{tk}:..... (m) Chiều chìm, d:..... (m)
Length..... Breadth..... Depth.....
 Tổng công suất máy chính, Ne (KW):..... Số lượng máy chính:.....
Total Power..... Number of Engines.....

TT	Ký hiệu máy <i>Type of machine</i>	Số máy <i>Number engines</i>	Công suất, Ne (kW) <i>Power</i>	Năm và nơi chế tạo <i>Year and Place of Build</i>

- Căn cứ vào quy phạm và các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành của Nhà nước và biên bản kiểm tra kỹ thuật số...../ĐKTC, ngày..... tháng..... năm.....

Pursuant to the vessel's technical check minute no:..... dated on.....

Đăng kiểm tàu cá chứng nhận:

Fishing vessel register certify that

- Trạng thái kỹ thuật của tàu: (*Technical state of the fishing vessel*).....

- Cấp tàu <i>The class</i>	Không hạn chế <i>Unlimited</i>	Hạn chế I <i>Limitations I</i>	Hạn chế II <i>Limitations II</i>	Hạn chế III <i>Limitations III</i>

Được phép hoạt động tại:.....

Allowed to operate at.....

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến: ngày..... tháng..... năm.....

This certificate is valid until Date.....

Cấp tại....., ngày.... tháng.... năm.....

Issued at..... Date.....

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Ghi chú: (*) Gạch hoặc xóa bỏ chỗ không phù hợp.

Mẫu số 06.BĐ

MẪU SỔ ĐĂNG KIỆM TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN**SỔ ĐĂNG KIỆM
TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN**

Số sổ:/20.../ ĐKTC-CƠ SỞ ĐĂNG KIỆM

ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TÀU

Kiểu tàu:..... Năm đóng:.....
Nơi đóng:.....
Công dụng (ngành):.....
Số lượng thuyền viên:.....

THÂN TÀU

Kích thước L_{max}, m :.....; B_{max}, m :.....; D, m :.....
 L_{TK}, m :.....; B_{TK}, m :.....; d, m :.....
Tổng dung tích (GT).....; Mạn khô f, m :.....
Trọng tải toàn phần (DW):.....; Vật liệu vỏ:.....
Hệ thống kết cấu:.....; Tốc độ tàu:..... h/h.

MÁY CHÍNH

Các thông số kỹ thuật chủ yếu	Máy số 1	Máy số 2	Máy số 3
Ký hiệu máy:			
Số máy:			
Công suất định mức N_e, KW			
Vòng quay định mức $n_e, v/ph$			
Nơi chế tạo:			
Năm chế tạo:			
Kiểu hộp số:			
Tỷ số truyền, tiến:			
lùi:			

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG SỐ

- Sổ đăng kiểm tàu cá/tàu công vụ thủy sản được lập trên cơ sở hồ sơ kỹ thuật của tàu, các trang thiết bị lắp đặt trên tàu và kết quả giám sát kỹ thuật của Đăng kiểm tàu cá trong đóng mới, lần đầu. Các thông số kỹ thuật thỏa mãn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tàu cá và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.
 - Trang thái kỹ thuật của tàu theo chu kỳ phải được Đăng kiểm tàu cá kiểm tra và xác nhận vào sổ này.
 - Sổ đăng kiểm tàu cá/tàu công vụ thủy sản dùng trong suốt đời con tàu để ghi các thông số chính xác bao gồm cấp tàu, mạn khô, trang thiết bị, tổng dung tích.
 - Những thay đổi (nếu có) của tàu và các trang thiết bị lắp đặt trên tàu phải được Đăng kiểm tàu cá kiểm tra, xác nhận cho đến khi tàu không còn được sử dụng (giải bản, mất tích).
 - Sổ Đăng kiểm tàu cá/tàu công vụ thủy sản phải được lưu giữ trên tàu cùng với Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá và các biên bản kiểm tra kỹ thuật do Đăng kiểm tàu cá cấp.
- Cấp tại..... ngày..... tháng..... năm.....

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

MÁY PHỤ

TT	Ký hiệu máy	Công suất N_e, KW	Vòng quay $n_e, v/ph$	Công dụng	Nơi chế tạo

THIẾT BỊ ĐẨY TÀU

Đặc tính kỹ thuật	Chân vịt 1	Chân vịt 2	Chân vịt 3
Kiểu:			
Vật liệu chế tạo:			
Vòng quay $n_{cv}, v/ph$:			
Đường kính D_{cv}, m :			
Số cánh Z:			
Khối lượng, Kg:			
Tỉ số H/D:			
Tỉ số mật đĩa θ :			

TRANG BỊ CỨU SINH

Phao bè:..... Số lượng:..... Sức chở:..... người
 Dụng cụ nổi:..... Số lượng:..... Sức chở:..... người
 Phao tròn:..... chiếc Phao áo:..... chiếc

THIẾT BỊ ĐIỆN

Số lượng máy phát:..... Kiểu máy phát:.....
 Công suất (KW):..... Điện áp (V):.....
 Ắc quy loại:..... dung lượng (Ah):..... Số lượng:.....

THIẾT BỊ KHÍ NÉN

Ký hiệu máy nén:.....; Số lượng và dung tích bình:.....
 Năm và nơi sản xuất:.....
 Áp suất làm việc:..... KG/cm^3

THIẾT BỊ KHAI THÁC**Máy khai thác:**

Loại máy	Sức kéo định mức (KG)	Năm, nơi chế tạo

Hệ thống động lực dẫn động:.....

Ký hiệu máy:..... Công suất (KW):.....

Lưới: Kích thước:.....; trọng lượng (KG):.....

Dụng cụ đánh bắt khác:.....**Hệ thống tăng gông:**.....

Thiết bị phụ (Trụ ván, puly, con lăn.....):.....

Cầu: Kiểu loại:..... Số lượng (cái):..... Vật liệu:.....

Kết cấu:..... Tầm với (m):.....

Tải trọng (KG):.....; Móc cầu (cái):.....

Pa lăng (cái):.....; Tải trọng (KG):.....; Ròng rọc (cái):.....

Hệ thống ánh sáng: Tổng công suất (KW):.....

Loại đèn, số lượng (cái):.....

THIẾT BỊ LẠNH

☐ Máy nén:..... Số lượng:..... cái

Áp suất nén:..... KG/cm^2 Tác nhân lạnh:.....

Năm và nơi sản xuất:.....

☐ Bình ngưng Số lượng:..... cái Dung tích:..... m^3

Áp suất:..... KG/cm^2

Năm và nơi sản xuất:.....

TRANG BỊ CỨU HỎA

Bơm nước: Số lượng:..... Lưu lượng:..... m^3/h

Bình bọt:..... bình Bình CO_2 :..... bình

☐ Ròng vải ☐ Xô mức nước ☐ Cát

☐ Xà beng ☐ Xẻng ☐ Rìu ☐ Bạt

TRANG BỊ HÚT KHÔ/CHỐNG THỦNG

Bơm nước: Số lượng:..... Lưu lượng:..... m³/h
 Bơm tay: Số lượng:..... Lưu lượng:..... m³/h
☐ Bạt chống thùng ☐ Gỗ chống thùng
☐ Xi măng chống thùng ☐ Đồ nghề và đinh
☐ Phoi xam, dụng cụ xam

TRANG BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

☐ Máy thu phát vô tuyến MF/HF:.....
☐ Máy thu phát vô tuyến điện thoại cực ngắn MF:.....
☐ Máy thu phát VHF hai chiều:.....
☐ Máy thu trực canh tần số cấp cứu:.....
☐ Các thiết bị khác:.....

TRANG BỊ HÀNG HẢI

☐ La bàn từ ☐ La bàn lái ☐ Sào đo nước
☐ Ống nhòm ☐ Đồng hồ đo nghiêng ☐ Bộ cờ hàng hải
☐ Rada hàng hải ☐ Máy thu định vị vệ tinh GPS
☐ Các thiết bị khác:.....

TRANG BỊ TÍN HIỆU

☐ Đèn tín hiệu hành trình:..... ☐ Pháo hiệu:.....
☐ Đèn tín hiệu đánh cá:..... ☐ Âm hiệu:.....
☐ Vật hiệu:..... ☐ Đèn tín hiệu nhấp nháy:.....

HÀM HÀNG

Hàm cá: Số lượng:..... Tổng dung tích:..... tấn
 Hàm nước: Số lượng:..... Tổng dung tích:..... tấn
 Các hàm khác: ☐ Neo..... ☐ Dụng cụ..... ☐ Tạp vật.....

THIỆT BỊ NEO - CHẰNG BUỘC

Loại neo:.....; Năm, nơi chế tạo:.....
 Trọng lượng neo: Neo phải:..... kg Neo trái:..... kg
 Chiều dài xích neo: Neo phải:..... m Neo trái:..... m
 Đường kính xích/cáp neo:..... mm
 Thiết bị chằng buộc:
 Dây buộc: Loại:..... Số lượng:..... Chiều dài:..... m
 Cột buộc: Kiểu:..... Số lượng:..... Vật liệu:.....

THIỆT BỊ LÁI

Lái chính kiểu:.....; Lái phụ kiểu:.....
 Truyền dẫn lái:.....

ĐẶC TÍNH HÀNG HẢI

- Tốc độ tự do, hải lý/h:.....
 - Đường kính vòng quay trở:
 Quay phải, m:.....; Thời gian, s:.....
 Quay trái, m:.....; Thời gian, s:.....
 - Quán tính:
 Tiền, khoảng cách, m:.....; Thời gian, s:.....
 Lùi, khoảng cách, m:.....; Thời gian, s:.....

Đăng kiểm tàu cá chứng nhận:

- Tàu được nhận cấp với ký hiệu dưới đây:
 - Trạng thái kỹ thuật của tàu:.....
 - Ngày kiểm tra định kỳ: Ngày..... tháng..... năm.....
 - Được phép hoạt động tại vùng:.....
 Đến ngày..... tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm) lại.

Ngày..... tháng..... năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

CHU KỶ KIỂM TRA SAU KHI CẤP SỔ CỦA TÀU

[illegible]

CHI TIẾT CHU KỲ KIỂM TRA

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số.....
, ngày.....
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:.....
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ nhất:.....
 Được phép hoạt động tại vùng:.....
, tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm) lại.

..... ngày..... tháng..... năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số.....
, ngày.....
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:.....
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà^(*).
 Được phép hoạt động tại vùng:.....
, tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm/trên đà^(*)) lại.

..... ngày..... tháng..... năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số.....
, ngày.....
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:.....
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà^(*).
 Được phép hoạt động tại vùng:.....
, tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm) lại.

..... ngày..... tháng..... năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số.....
, ngày.....
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:.....
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:.....
 Được phép hoạt động tại vùng:.....
, tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra
 định kỳ.

..... ngày..... tháng..... năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/định kỳ^(*) đã được thực hiện từ ngày..... đến ngày.....; tại:.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....
xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp^(*) với ký hiệu dưới đây:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

Ngày kiểm tra định kỳ: Ngày..... tháng..... năm.....

Đến ngày..... tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra (hàng năm) lại.

..... ngày..... tháng..... năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số.....

....., ngày.....

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ nhất:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

Đến ngày....., tháng..... năm....., phải đưa tàu vào kiểm tra (hàng năm) lại.

..... ngày..... tháng..... năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số....., ngày.....

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà^(*).

Được phép hoạt động tại vùng:.....

Đến ngày..... tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra (hàng năm/trên đà^(*)) lại.

..... ngày..... tháng..... năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số....., ngày.....

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

Đến ngày..... tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra (hàng năm) lại.

..... ngày..... tháng..... năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số.....
, ngày.....
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:.....
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....
 Đến ngày..... tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra định kỳ.
 ngày..... tháng..... năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/định kỳ^(*) đã được thực hiện từ ngày..... đến ngày.....; tại:.....
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....
 xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp(*) với ký hiệu dưới đây:

 Được phép hoạt động tại vùng:.....
 Ngày kiểm tra định kỳ: Ngày..... tháng..... năm.....
 Đến ngày..... tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra định kỳ.
 (hàng năm) lại.
 ngày..... tháng..... năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra tại hàng năm số.....
, ngày.....
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:.....
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....
 Đến ngày..... tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra định kỳ.
 (hàng năm/trên đà^(*)) lại.
 ngày..... tháng..... năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số.....
, ngày.....
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:.....
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà^(*).
 Được phép hoạt động tại vùng:.....
 Đến ngày..... tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra định kỳ.
 ngày..... tháng..... năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số.....
, ngày.....
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:.....
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà^(*).....
 Được phép hoạt động tại vùng:.....
 Đến ngày..... tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm) lại.

..... ngày..... tháng..... năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số.....
, ngày.....
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:.....
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:.....
 Được phép hoạt động tại vùng:.....
 Đến ngày..... tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra
 định kỳ.

..... ngày..... tháng..... năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/định kỳ^(*) đã được thực hiện từ
 ngày..... đến ngày.....; tại.....
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....
 xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp^(*) với ký hiệu dưới đây:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....
 Ngày kiểm tra định kỳ: Ngày..... tháng..... năm.....
 Đến ngày..... tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm) lại.
 ngày..... tháng..... năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số.....
, ngày.....
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:.....
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01:.....
 Được phép hoạt động tại vùng:.....
 Đến ngày..... tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm/trên đà^(*)) lại.
 ngày..... tháng..... năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số.....
, ngày.....
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:.....
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:
 Được phép hoạt động tại vùng:.....
 Đến ngày..... tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra
 định kỳ.
 ngày..... tháng..... năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/định kỳ^(*) đã được thực hiện từ
 ngày..... đến ngày.....; tại:.....
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....
 xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp(*) với ký hiệu dưới đây:

 Được phép hoạt động tại vùng:.....
 Ngày kiểm tra định kỳ: Ngày..... tháng..... năm.....
 Đến ngày..... tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm) lại.
 ngày..... tháng..... năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số.....
, ngày.....
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:.....
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà^(*):
 Được phép hoạt động tại vùng:.....
 Đến ngày..... tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm/trên đà^(*)) lại.
 ngày..... tháng..... năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số.....
, ngày.....
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:.....
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà^(*):
 Được phép hoạt động tại vùng:.....
 Đến ngày..... tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm) lại.
 ngày..... tháng..... năm.....
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số.....
, ngày.....

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà^(*).....

Được phép hoạt động tại vùng:.....

Đến ngày..... tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm) lại. ngày..... tháng..... năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số.....
, ngày.....

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01:.....

Được phép hoạt động tại vùng:.....

Đến ngày..... tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm/trên đà^(*)) lại. ngày..... tháng..... năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số.....
, ngày.....

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:.....

Được phép hoạt động tại vùng:.....

Đến ngày..... tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra
 định kỳ. ngày..... tháng..... năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số.....
, ngày.....

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà^(*).....

Được phép hoạt động tại vùng:.....

Đến ngày..... tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm/trên đà^(*)) lại. ngày..... tháng..... năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/định kỳ^(*) đã được thực hiện từ ngày..... đến ngày.....; tại:.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....
xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp(*) với ký hiệu dưới đây:

Được phép hoạt động tại vùng:.....

Ngày kiểm tra định kỳ: Ngày..... tháng..... năm.....

Đến ngày..... tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra (hàng năm) lại.

..... ngày..... tháng..... năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số..... ngày....., ngày.....

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....
....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà^(*).

Được phép hoạt động tại vùng:.....

Đến ngày..... tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra (hàng năm/trên đà^(*)) lại.

..... ngày..... tháng..... năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số..... ngày....., ngày.....

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....
....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01:.....

Được phép hoạt động tại vùng:.....

Đến ngày..... tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra (hàng năm/trên đà^(*)) lại.

..... ngày..... tháng..... năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số..... ngày....., ngày.....

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....
....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà^(*).

Được phép hoạt động tại vùng:.....

Đến ngày..... tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra (hàng năm) lại.

..... ngày..... tháng..... năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số.....
, ngày.....
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:.....
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01:.....
 Được phép hoạt động tại vùng:.....
, tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm/trên đà^(*)) lại.
 ngày..... tháng..... năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số.....
, ngày.....
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:.....
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 02/trên đà^(*):.....
 Được phép hoạt động tại vùng:.....
, tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm/trên đà^(*)) lại.
 ngày..... tháng..... năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số.....
, ngày.....
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:.....
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:.....
 Được phép hoạt động tại vùng:.....
, tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra
 định kỳ.
 ngày..... tháng..... năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/định kỳ^(*) đã được thực hiện từ
 ngày..... đến ngày.....; tại:.....
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....
 xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp(*) với ký hiệu dưới đây:

 Được phép hoạt động tại vùng:.....
 Ngày kiểm tra định kỳ: Ngày..... tháng..... năm.....
 Đến ngày..... tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm) lại.
 ngày..... tháng..... năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

CHỦ SỞ HỮU

Tên tàu:....., Hồ hiệu:.....
 Số đăng ký:.....
 Nơi đăng ký:.....
 Ngày đăng ký:.....
 Chủ tàu:.....
 Nơi thường trú:.....
 Ngày xóa đăng ký:.....
 ngày..... tháng..... năm.....
 CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI SỞ HỮU

Tên tàu:....., Hồ hiệu:.....
 Số đăng ký:.....
 Nơi đăng ký:.....
 Ngày đăng ký:.....
 Chủ tàu:.....
 Nơi thường trú:.....
 Ngày xóa đăng ký:.....
 ngày..... tháng..... năm.....
 CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số.....
 ngày.....
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:.....
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà^(*).....
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngày..... tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra
 (hàng năm) lại.
 ngày..... tháng..... năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số.....
 ngày.....
 Nơi kiểm tra:.....
 Thời gian kiểm tra:.....
 Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....
, xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:.....
 Được phép hoạt động tại vùng:.....

 Đến ngày..... tháng..... năm..... phải đưa tàu vào kiểm tra
 định kỳ.
 ngày..... tháng..... năm.....
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

THAY ĐỔI SỞ HỮU

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
Số đăng ký:.....
Nơi đăng ký:.....
Ngày đăng ký:.....
Chủ tàu:.....
Nơi thường trú:.....
Ngày xóa đăng ký:.....

..... ngày..... tháng..... năm.....
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI SỞ HỮU

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
Số đăng ký:.....
Nơi đăng ký:.....
Ngày đăng ký:.....
Chủ tàu:.....
Nơi thường trú:.....
Ngày xóa đăng ký:.....

..... ngày..... tháng..... năm.....
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI SỞ HỮU

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
Số đăng ký:.....
Nơi đăng ký:.....
Ngày đăng ký:.....
Chủ tàu:.....
Nơi thường trú:.....
Ngày xóa đăng ký:.....

..... ngày..... tháng..... năm.....
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI SỞ HỮU

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....
Số đăng ký:.....
Nơi đăng ký:.....
Ngày đăng ký:.....
Chủ tàu:.....
Nơi thường trú:.....
Ngày xóa đăng ký:.....

..... ngày..... tháng..... năm.....
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

Mẫu số 07.BĐ

**MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT MÁY THỦY ĐÃ QUA SỬ DỤNG
TRƯỚC KHI LẮP ĐẶT XUỐNG TÀU CÁ**

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..... /ĐKTC.....

....., ngày..... tháng..... năm 20...



**BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT MÁY THỦY ĐÃ QUA
SỬ DỤNG TRƯỚC KHI LẮP ĐẶT XUỐNG TÀU CÁ**

Theo yêu cầu của:.....

Chúng tôi gồm: 1.

2.

3.

Là đăng kiểm viên tàu cá thuộc Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....

Tiến hành kiểm tra kỹ thuật máy thủy đã qua sử dụng của.....

và đánh giá tình trạng kỹ thuật của máy thủy đã qua sử dụng như sau:

I. TÀI LIỆU KỸ THUẬT KÈM THEO MÁY

TT	Tên tài liệu	Ghi chú	
		Có	Không có
1	Tài liệu kỹ thuật của máy		
2	Giấy xác nhận của nhà sản xuất máy hoặc chứng thư giám định, chứng nhận:		
2.1	Động cơ được thiết kế, chế tạo dùng để lắp đặt làm máy chính lai chân vịt trên các phương tiện thủy		
2.2	Được sản xuất theo tiêu chuẩn phù hợp với quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 21:2015/BGTVT - Quy phạm phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép, các quy chuẩn kỹ thuật về tàu cá, hoặc phù hợp với Tiêu chuẩn của các nước G7 về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.		

II. KIỂM TRA BÊN NGOÀI ⁽¹⁾

TT	Nội dung kiểm tra		Các thông số/ tình trạng kỹ thuật	Đánh giá	
				Thỏa mãn	Không thỏa mãn
1	Nhà sản xuất				
2	Ký hiệu máy:				
3	Số máy:	Trên thân máy			
		Trên nhãn máy			
4	Công suất máy, Ne (kW)				
5	Vòng quay định mức (rpm)				
6	Năm/nơi chế tạo				
7	Số xy lanh (chiếc)				
8	Nắp máy, thân máy và các thiết bị phục vụ máy				
9	Hệ thống đồng hồ đo áp lực dầu				
10	Hệ thống đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát				
11	Hệ thống đồng hồ đo nhiệt độ khí xả				
12	Đồng hồ đo vòng quay máy				

III. THỬ HOẠT ĐỘNG ⁽²⁾

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả	Thông số kỹ thuật cho phép	Đánh giá	
				Thỏa mãn	Không thỏa mãn
1	Thử khởi động máy liên tục từ trạng thái nguội ⁽³⁾				
2	Thử vòng quay ổn định thấp nhất, $n_{\min}$ (rpm) ⁽⁴⁾				
3	Thử tăng tốc và giảm tốc đột ngột, nhiều lần (không dưới 3 lần) ⁽⁵⁾ .				
4	Thử tốc độ lớn nhất, $n_{\max}$ (rpm) ⁽⁶⁾ .				
5	Áp lực dầu bôi trơn (kg/cm ²)				
6	Nhiệt độ dầu bôi trơn (°C)				
7	Nhiệt độ nước làm mát vòng trong (°C)				
8	Nhiệt độ khí xả (°C)				

IV. KẾT LUẬN

Căn cứ kết quả kiểm tra từ mục II đến mục III, Đăng kiểm viên kết luận: (Máy thủy đã qua sử dụng đủ điều kiện hay không đủ điều kiện lắp đặt trên tàu cá):.....

CHỦ TÀU
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN NHÀ SẢN XUẤT/
CƠ SỞ CUNG CẤP MÁY**
(Ký tên, đóng dấu)

ĐĂNG KIỂM VIÊN
(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1) Máy không nứt, vỡ, hàn vá, móp méo; các chữ, số in trên nhãn máy rõ ràng phù hợp với tài liệu kỹ thuật của máy; các đồng hồ đo còn đầy đủ, nguyên vẹn.

(2) Thử tại xưởng. Cho phép thử sau khi đã lắp đặt xuống tàu đối với trường hợp chủ tàu cam kết chịu trách nhiệm tháo máy đưa ra khỏi tàu nếu kết quả thử không thỏa mãn.

(3) Khởi động 12 lần đối với động cơ đảo chiều; 6 lần đối với động cơ không đảo chiều; quá trình thử không cấp thêm không khí nén cho bình khí nén khởi động máy (hoặc điện năng cho ắc quy khởi động máy); máy khởi động dễ dàng, không có lần thử nào không đạt kết quả.

(4) Khi máy chạy đã nóng, giảm lượng cấp nhiên liệu đến mức tối thiểu, máy làm việc ổn định ở chế độ vòng quay nhỏ hơn 30% vòng quay định mức, trong thời gian ≥ 10 min.

(5) Động cơ làm việc ổn định, không tự dừng, không có tiếng gõ bất thường của các cơ cấu chuyển động.

(6) Tốc độ tối đa của động cơ không vượt quá 115% vòng quay định mức./.

Phụ lục XVI
CÁC BIỂU MẪU VỀ ĐĂNG KÝ TÀU CÁ,
TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Mẫu số 01.ĐKT. Sổ đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản quốc gia

Mẫu số 02.ĐKT. Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản

Mẫu số 03.ĐKT. Giấy chứng nhận xuất xưởng

Mẫu số 04.ĐKT. Giấy chứng nhận cải hoán, sửa chữa tàu

Mẫu số 05.ĐKT. Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá

Mẫu số 06.ĐKT. Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá

Mẫu số 07.ĐKT. Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản

Mẫu số 08.ĐKT. Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá, tàu công vụ thủy sản

Mẫu số 09.ĐKT. Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá, tàu công vụ thủy sản

Mẫu số 10.ĐKT. Tờ khai xóa đăng ký tàu cá

Mẫu số 11.ĐKT. Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá

Mẫu số 01.ĐKT

**MẪU SỐ ĐĂNG KÝ
TÀU CÁ, TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN QUỐC GIA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**SỐ ĐĂNG KÝ
TÀU CÁ, TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN QUỐC GIA**

(Tên cơ quan quản lý thủy sản:.....)

Số số:.....

Số:.....

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên tàu:..... Hô hiệu:.....
 Chủ tàu:..... Công dụng (nghề):.....
 Nơi thường trú:.....

Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu
(Đối với tàu thuộc sở hữu nhiều chủ)

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân	% giá trị cổ phần

Số đăng ký..... Ngày đăng ký.....
 Đơn vị đăng kiểm.....
 Nghề: Chính:..... Phụ:.....

II. ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT CỦA TÀU

Kiểu tàu:..... Năm đóng:.....
 Nơi đóng:.....
 Vật liệu vỏ:..... Cấp tàu:.....
 Chiều dài tàu (m): $L_{\max}$ =..... Chiều rộng tàu (m): $B_{\max}$ =.....
 L_{tk} =..... B_{tk} =.....
 Chiều cao mạn (m): D =..... Chiều chìm trung bình (m): d =.....
 Tổng dung tích (GT):..... Trọng tải toàn phần (tấn):.....
 Tốc độ tự do, (hl/h):..... Số lượng thuyền viên, *người*.....
 Số lượng hầm cá:..... Hệ thống bảo quản sản phẩm:.....

Máy chính

Số lượng máy:..... Tổng công suất (kW):.....
 * Máy 1: Ký hiệu:..... Số máy:..... Công suất (kW)..... Năm sản xuất:.....
 * Máy 2: Ký hiệu:..... Số máy:..... Công suất (kW)..... Năm sản xuất:.....
 * Máy 3: Ký hiệu:..... Số máy:..... Công suất (kW)..... Năm sản xuất:.....
Máy phụ: Ký hiệu:.....; Số máy:.....;
 Công suất (kW).....; Năm sản xuất:.....
 Thời hạn đăng ký:.....

....., ngày.... tháng.... năm...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP**XÓA ĐĂNG KÝ**

Ngày xóa đăng ký:.....
 Lý do xóa đăng ký:.....

Mẫu số 02.ĐKT

MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ, TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN^(*)

Kính gửi:.....

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại:.....

Số CCCD/CMND:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá/tàu công vụ thủy sản^(*) với nội dung sau:**2. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:**

Tên tàu:.....; Công dụng (nghề):.....

Năm, nơi đóng:.....

Cảng đăng ký:.....

Thông số cơ bản của tàu (m): $L_{max} =$; $B_{max} =$; $D =$ $L_{tk} =$; $B_{tk} =$; $d =$

Vật liệu vỏ:.....; Tổng dung tích (GT):.....

Trọng tải toàn phần, (DW):..... Số thuyền viên, người.....

Nghề chính:..... Nghề phụ:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm	Ghi chú

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

Ghi chú: (*) Gạch hoặc xóa bỏ chỗ không phù hợp.

Mẫu số 03.ĐKT

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XƯỞNG**CƠ SỞ ĐÓNG TÀU****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GCNXX

....., ngày... tháng... năm 20..

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XƯỞNG

Tên sản phẩm:.....

Nơi đóng:.....

Địa chỉ:.....

Năm đóng:.....

Ký hiệu thiết kế:.....

Đơn vị thiết kế thiết kế:.....

Cơ sở đăng kiểm:.....

Thông số cơ bản của tàu: Lmax =.....; Bmax =.....; D =.....

Ltk =.....; Btk...=.....; d =.....

Vật liệu vỏ:.....; cấp tàu:.....

Công dụng (nghề):.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Đã hoàn thành việc đóng mới, đủ điều kiện xuất xưởng./.

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

Mẫu số 04.ĐKT

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI HOÁN, SỬA CHỮA TÀU
CƠ SỞ ĐÓNG TÀU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCNXX

....., ngày... tháng... năm...

GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI HOÁN, SỬA CHỮA TÀU

Tên sản phẩm:.....

Nơi cải hoán, sửa chữa:.....

Địa chỉ:.....

Thời gian thực hiện: từ ngày..... tháng..... năm.... đến ngày..... tháng..... năm.....

Ký hiệu thiết kế:.....

Đơn vị thiết kế:.....

Cơ sở đăng kiểm phê duyệt thiết kế:.....

Thông số cơ bản trước cải hoán/sửa chữa (m):

Lmax =; Bmax =;

D = Ltk =; Btk... =; d =

Vật liệu vỏ:....., Cấp tàu:.....

Công dụng (nghề):.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Thông số cơ bản sau cải hoán/sửa chữa (m):

Lmax =; Bmax =;

D = Ltk =; Btk..... =; d =

Vật liệu vỏ:....., Cấp tàu:.....

Công dụng (nghề):.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Đã hoàn thành việc cải hoán/sửa chữa, đủ điều kiện xuất xưởng./.

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

Mẫu số 05.ĐKT

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom - Happiness**N^o.....**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN^(*)****REGISTRATION CERTIFICATE OF FISHING VESSEL/SHIPS DUTY
FISHERIES^(*)**

.....(**).....

Chứng nhận tàu cá/tàu công vụ thủy sản^(*) có các thông số dưới đây đã được đăng ký vào
Sổ Đăng ký tàu cá Việt Nam:

Hereby certifies that the fishing vessel/ship duty fisheries^() with the following
specifications has been registered into The Vietnam National Vessel Registration Book:*

Tên tàu:

Name of Vessel

Chủ tàu:

Vessel owner

Kiểu tàu:

Type of Vessel

Tổng dung tích, GT:

*Gross Tonnage*Chiều dài $L_{\max}$, m:*Length overall*Chiều dài thiết kế L_{tk} , m:*Length*Chiều cao mạn D , m:*Draught*

Vật liệu vỏ:

Materials

Năm và nơi đóng:

Year and Place of Build

Số lượng máy:

Number of Engines

Hô hiệu:

Signal Letters

Nơi thường trú:

Residential Address

Công dụng (nghề):

Used for (fishing gear)

Trọng tải toàn phần: tấn

*Dead weight*Chiều rộng $B_{\max}$, m:*Breadth overall*Chiều rộng thiết kế B_{tk} , m:*Breadth*Chiều chìm d , m:*Depth*Tốc độ tự do hl/h :*Speed*

Tổng công suất (kW):

Total power

Ký hiệu máy <i>Type of machine</i>	Số máy <i>Number engines</i>	Công suất (kW) <i>Power</i>	Năm và nơi chế tạo <i>Year and place of manufacture</i>
.....			
Cảng đăng ký: <i>Port Registry</i>		Cơ sở đăng kiểm tàu cá: <i>Register of Vessels</i>	
Số đăng ký: <i>Number or registry</i>			
Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ^(***) :..... <i>This certificate is valid until</i>		Cấp tại..., ngày.... tháng... năm..... <i>Issued at... Date</i>	
		THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU	

THÔNG TIN VỀ CHỦ SỞ HỮU TÀU^(*)**

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân	Tỷ lệ cổ phần (%)

Ghi chú (note):

(*) Xóa bỏ chỗ không phù hợp (Remove the wrong place).

(**) Cơ quan quản lý thủy sản của tỉnh là Chi cục Thủy sản (the provincial fisheries management agency is the Sub-department of Fisheries); Cơ quan quản lý thủy sản trung ương là Tổng cục Thủy sản (the central fisheries management agency is the Directorate of Fisheries).

(***) Ghi thời hạn theo thời hạn thuê tàu trần đối với trường hợp thuê tàu trần, không thời hạn đối với các trường hợp khác.

(****) Đối với trường hợp tàu thuộc sở hữu nhiều chủ.

MẪU SỔ DANH BẠ THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

1. Mặt ngoài của trang bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SỔ DANH BẠ
THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

Số đăng ký:.....

Chủ tàu:.....

Số sổ:.....

Năm.....

Quy cách sổ:

- Kích thước: A5 (14,8 x 21) mm;
- Bìa nền màu đỏ, các trang nền màu trắng.

2. Trang 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SỔ DANH BẠ
THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

Tên tàu cá:.....

Số đăng ký:

Chiều dài tàu:.....

Nơi đăng ký:

Chủ tàu cá:

Nơi thường trú:

Sổ danh bạ này gồm 60 trang,

được đánh số thứ tự từ 01 đến 60

..... Ngày..... tháng..... năm.....

CHI CỤC THỦY SẢN

(Ký tên, đóng dấu)

Năm.....

3. Trang 2

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

TT	Họ và tên	Số CMND/CCCD; Ngày cấp, nơi cấp	Chức danh	Số văn bằng/chứng chỉ	Ghi chú
1					
2					
3					
4					
5					
6					
...					
...					

CHỦ TÀU/THUYỀN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

..... Ngày..... tháng..... năm.....
XÁC NHẬN CỦA CHI CỤC THỦY SẢN
(Ký tên, đóng dấu)

4. Trang 3 đến trang 18

THAY ĐỔI, BỔ SUNG DANH SÁCH THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

TT	Thuyền viên được thay		Thuyền viên mới		Ghi chú
	Họ và tên	Chức danh	Họ và tên	Số CMND/CCCD; ngày cấp, nơi cấp	Số văn bằng, chứng chỉ
1					
2					
3					
4					
5					
6					
.....					
....					

CHỦ TÀU/THUYỀN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

..... Ngày..... tháng..... năm.....
XÁC NHẬN CỦA BỘ ĐỘI BIỂN PHÒNG
(Ký tên, đóng dấu)

5. Trang 19 đến trang 60:

CHỨNG THỰC CỦA CƠ QUAN KIỂM TRA, KIỂM SOÁT

Rời cảng	Xuất bến
Kiểm tra, kiểm soát của Tổ chức quản lý cảng cá..... Ngày..... tháng... năm..... Nội dung:..... Nhận xét:..... Tổ chức quản lý cảng cá (Ký, đóng dấu)	Kiểm tra, kiểm soát của Trạm kiểm soát Biên phòng:..... Ngày..... tháng... năm..... Gồm:..... người (... Nam,... Nữ) Nhận xét:..... Trạm Kiểm soát Biên phòng (Ký, đóng dấu)
Cập cảng	Nhập bến
Kiểm tra, kiểm soát của Tổ chức quản lý cảng cá..... Ngày..... tháng... năm..... Nội dung:..... Nhận xét:..... Tổ chức quản lý cảng cá (Ký, đóng dấu)	Kiểm tra, kiểm soát của Trạm kiểm soát Biên phòng:..... Ngày..... tháng... năm..... Gồm:..... người (... Nam,... Nữ) Nhận xét:..... Trạm Kiểm soát Biên phòng (Ký, đóng dấu)

(Xem tiếp Công báo số 213 + 214)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng